



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 05/2021

Từ 25/01 - 29/01/2021

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN

BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT

QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC: TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh quan điểm trên khi đề cập tới phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và những năm tiếp theo trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Ảnh VGP

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng nêu rõ, tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới trong giai đoạn tới, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta cần quán triệt trong cả nhận thức và hành động thực tiễn các quan điểm chỉ đạo cơ bản là: Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động.

Chiến lược phát triển tổng thể của đất nước ta là đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nền văn hóa, con người Việt Nam; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

Nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc là tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước khẳng định: “Với một đảng cách mạng chân chính, trong sạch, vững mạnh, có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín lãnh đạo như Đảng ta, được Nhân dân hết lòng tin yêu, ủng hộ, chúng ta sẽ có một sức mạnh to lớn, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, không thể lực nào ngăn cản nổi dân tộc ta đi lên, lập nên những kỳ tích mới trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước”.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng cho biết, mục tiêu phát triển tổng quát trong nhiệm kỳ 2021 - 2025 và những năm tiếp theo là nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, Việt Nam trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nêu các định hướng lớn bao quát những vấn đề phát triển quan trọng của đất nước trong giai đoạn 10 năm tới, Tổng Bí thư nhấn mạnh, nhiệm kỳ Đại hội XIII là một dấu mốc, một bước chuyển hết sức quan trọng, làm tiền đề cho các nhiệm kỳ tiếp theo để thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phát huy ý chí, sức mạnh của toàn dân tộc, sự thống nhất của “ý Đảng, lòng Dân”, chúng ta quyết tâm thực hiện thật tốt hệ thống các nhiệm vụ, giải pháp mà các văn kiện trình Đại hội XIII đề ra để đưa đất nước ta bước vào một giai đoạn phát triển mới với 6 trọng tâm.

Một là, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Hai là, đổi mới mạnh mẽ và có hiệu quả mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, hiện đại, hội nhập.

Ba là, khơi dậy tinh thần và ý chí, quyết tâm phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, giữ vững độc lập, tự chủ; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Năm là, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân; tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Sáu là, quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ NỘI VỤ: TẠO LẬP THỂ CHẾ KINH TẾ, THỂ CHẾ HÀNH CHÍNH PHÙ HỢP THÔNG LỆ CHUNG CỦA THẾ GIỚI

Sáng ngày 28/01, tham luận tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Trung ương, Thứ trưởng Bộ Nội vụ nhấn mạnh, trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020, Đảng ta đã xác định, cải cách hành chính là một trong 3 khâu đột phá để phát triển đất nước, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả, tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước các cấp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 (Chương trình tổng thể) được Chính phủ ban hành là một trong những giải pháp tổng thể, toàn diện để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XI và Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011 - 2020.

Tiền đề, thúc đẩy sự phát triển đồng bộ trên nhiều lĩnh vực

Kết quả cải cách hành chính trong thời gian vừa qua tạo tiền đề, thúc đẩy sự phát triển đồng bộ trên nhiều lĩnh vực trong triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

giai đoạn 2011 - 2020, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính các cấp từ Trung ương đến địa phương, nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế toàn cầu hóa; đặc biệt, trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, đã có sự đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học, công nghệ; phát huy vai trò, hiệu quả của các tổ chức khoa học, công nghệ chủ lực trong việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, thông qua đó, nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam so sánh với các quốc gia trên thế giới.

Cũng trong giai đoạn này, các chỉ số đo lường, đánh giá kết quả, tác động của cải cách hành chính được triển khai thực hiện, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác cải cách hành chính cũng như hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước từ Trung ương tới chính quyền địa phương các cấp.

Những kết quả của cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 đã cho chúng ta thấy được bức tranh tương đối rõ nét về những vấn đề này. Cụ thể, thể chế của nền hành chính được cải cách và dần được hoàn thiện cơ bản phù hợp với yêu cầu chủ trương quan trọng của Đảng và cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thể chế kinh tế thị trường và một loạt các thể chế quan trọng trên các lĩnh vực đã tiếp tục bổ sung, hoàn thiện.

Về cải cách thủ tục hành chính, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt cắt giảm mạnh chi phí tuân thủ thủ tục hành chính để giảm gánh nặng cho người dân doanh nghiệp; hình thành các cơ chế, chính sách ưu đãi và các thủ tục hành chính thuận lợi theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện hỗ trợ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng phát triển khoa học và công nghệ...

Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh thông qua việc kiểm soát, ban hành mới, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; mở rộng hình thức, phạm vi công khai, minh bạch hóa thủ tục hành chính và các thông tin quản lý nhà nước, tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh.

Hàng năm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, quyết định quan trọng nhằm đề ra giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia cho từng năm và cả giai đoạn.

Bộ máy hành chính từ Trung ương đến địa phương bước đầu đã phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, cơ bản khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng quản lý; cơ cấu bên trong đã có sự phân định rõ hơn giữa cơ quan quản lý và đơn vị sự nghiệp.

Cải cách tài chính công đã đạt được kết quả tích cực; công tác quản lý tài chính, ngân sách có nhiều chuyển biến rõ nét; việc giám sát chi tiêu bằng quy chế chi tiêu nội bộ đã có nhiều chuyển biến tích cực, làm tăng tính hiệu quả của chi tiêu công, hạn chế tham nhũng, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước, góp phần tăng cường kỷ luật tài chính, từng bước tăng tính minh bạch trong thực hiện ngân sách.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, xây dựng “Chính phủ điện tử”, “Chính quyền điện tử” là kết quả nổi bật trong triển khai Chương trình tổng thể.

6 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

Đồng chí Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh, văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Để thực hiện tốt chủ trương của Đảng, trong thời gian tới, Bộ Nội vụ đề xuất 6 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm;

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 một cách toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, nâng cao trách nhiệm giải trình, từng bước hiện đại phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

Nâng cao vai trò chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trách nhiệm của các tổ chức chính trị, xã hội, người dân, doanh nghiệp đối với công tác cải cách hành chính, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong hoạt động, chỉ đạo, điều hành và là nhiệm vụ chính trị cần phải triển khai thực hiện tại các cấp, các ngành, trong đó đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, những người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, phải đi tiên phong, nêu gương sáng, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì sự nghiệp chung.

Thứ hai, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, trong đó chủ yếu là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thể chế của nền hành chính Nhà nước. Trong điều kiện kinh tế mở, có tính toàn cầu, đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng tạo lập đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế, thể chế hành chính phù hợp với thông lệ chung của thế giới, phải đổi mới tổ chức bộ máy và nâng cao trình độ, năng lực, trách nhiệm của cán bộ, công chức để có thể hội nhập với các nền hành chính hiện đại trong khu vực và quốc tế.

Hoàn thiện thể chế về kinh doanh và cạnh tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển lành mạnh, giảm thiểu chi phí giao dịch phi chính thức, tăng cường công khai, minh bạch, tăng cường phòng, chống tham nhũng trong nền kinh tế. Từ những thể chế này, tận dụng tối đa, hiệu quả những tri thức mới, công nghệ mới, kích thích mọi công dân và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế-xã hội cùng tham gia khởi nghiệp, làm giàu chính đáng và đóng góp cho sự thịnh vượng chung của đất nước.

Thứ ba là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cung ứng dịch vụ công của bộ máy hành chính nhà nước trong bối cảnh hội nhập sâu rộng của nền kinh tế. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nhất là thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương, bãi bỏ các thủ tục hành chính đang gây trở ngại cho phát triển sản xuất, kinh doanh.

Thứ tư, tập trung đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Nâng cao kỹ năng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ công chức, viên chức trong xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm những hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực của công chức, viên chức trong thực thi công vụ, giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp.

Thứ năm, triển khai mạnh mẽ việc xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, phục vụ của cơ quan hành chính các cấp theo hướng công khai, minh bạch, hiện đại. Tập trung triển khai hiệu quả các nghị quyết của Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử và Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Thứ sáu, tăng cường công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị. Sử dụng hiệu quả Chỉ số cải cách hành chính trong theo dõi, đánh giá. Thường xuyên khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của người dân, xã hội đối với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính. Nghiên cứu, tham khảo các kết quả đánh giá được công bố của các tổ chức quốc tế và trong nước về môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia; từ đó, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phù hợp cho từng năm, từng giai đoạn, nhằm tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong giai đoạn tới.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHẢI DỠ BỎ CÁC RÀO CẢN DUY Ý CHÍ TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đề khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo thực sự là đột phá chiến lược cần tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế; tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo; chấp nhận rủi ro, độ trễ trong khoa học, dỡ bỏ các rào cản duy ý chí và hành chính hóa hoạt động khoa học và công nghệ.

Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt đã chỉ ra 5 giải pháp để khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là một trong ba đột phá chiến lược như Dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định.

Theo Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, xem trọng vai trò của khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng động lực phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Năng lực đổi mới sáng tạo của Việt Nam liên tục tăng

Trong những năm qua, khoa học và công nghệ Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ và thành tựu nổi bật, đóng góp thiết thực cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước,

củng cố quốc phòng và an ninh, cải thiện an sinh xã hội và chất lượng cuộc sống người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ từng bước được đổi mới, hành lang pháp lý trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được tạo lập toàn diện và đồng bộ hơn, tạo môi trường thuận lợi và cạnh tranh lành mạnh trong nghiên cứu sáng tạo.

Đổi mới sáng tạo dần trở thành tư duy mới trong quản lý, điều hành; nhận thức rõ hơn về vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hệ thống sáng tạo quốc gia; từng bước xóa bỏ cơ chế quản lý hành chính quan liêu; áp dụng nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng trong tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thực hiện cơ chế khoán chi và kiểm soát chi thông thoáng; gắn nhiệm vụ nghiên cứu với nhu cầu thực tiễn và thị trường; trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; phát triển thị trường công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; khuyến khích doanh nghiệp thành lập viện nghiên cứu và đầu tư mạnh cho khoa học và công nghệ; thí điểm mô hình thu hút, trọng dụng cán bộ khoa học tài năng trong nước và trí thức kiều bào.

Những đổi mới mạnh mẽ về cơ chế, chính sách đã góp phần nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học và công nghệ của đất nước. Đến nay, cả nước có 687 tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, 236 trường đại học, ba khu công nghệ cao quốc gia, 13 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tám khu công nghệ thông tin tập trung và gần 67 nghìn cán bộ nghiên cứu. Đã hình thành các viện nghiên cứu công nghệ công nghiệp theo mô hình tiên tiến thế giới ở khu vực công lập và tư nhân. Nguồn lực tài chính cho khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước được duy trì mức 2% tổng chi hằng năm; đầu tư từ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp quy mô lớn ngày càng tăng mạnh (chiếm 48% tổng chi xã hội cho khoa học và công nghệ).

Hạ tầng nghiên cứu một số lĩnh vực trọng điểm như: Công nghệ sinh học, hóa dầu, vật liệu, năng lượng, tự động hóa, nano, công nghệ tính toán, y học được đầu tư tăng cường. Nguồn lực thông tin, nền tảng Trí thức Việt số hóa được đầu tư, kết nối và chia sẻ mở trong cộng đồng. Thị trường công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển sôi động, hệ thống sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng ngày càng hoàn thiện, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, khuyến khích sự ra đời của hàng nghìn doanh nghiệp khởi nghiệp có tiềm năng tăng trưởng.

Số lượng bài báo, công trình khoa học công bố quốc tế và sáng chế của người Việt Nam tăng hằng năm; tốc độ đổi mới công nghệ, năng lực công nghệ của quốc gia và doanh nghiệp được tăng cường; khoảng cách giữa Việt Nam và các nước trong khu vực được rút ngắn đáng kể trong xếp hạng năng lực cạnh tranh, năng lực đổi mới sáng tạo toàn cầu và ở một số lĩnh vực khoa học có thể mạnh. Năng lực đổi mới sáng tạo của Việt Nam liên tục tăng, năm 2017 tăng 12 bậc, năm 2018 tăng thêm ba bậc, năm 2019 và 2020 đạt thứ hạng tốt nhất từ trước tới nay, xếp thứ 42 trên 131 quốc gia, dẫn đầu nhóm quốc gia thu nhập trung bình thấp.

Đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội

Với các tiến bộ trong cơ chế quản lý, tăng cường đầu tư cho tiềm lực và trình độ khoa học và công nghệ, lực lượng khoa học và công nghệ thật sự đồng hành cùng các cấp, các ngành và địa phương để bám sát thực tiễn, đóng góp ngày càng thiết thực hơn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Khoa học xã hội và nhân văn đã phát triển hệ thống lý luận mới về vai trò của văn hóa, lịch sử, con người và các nhân tố tạo nên sự phát triển bền vững, giúp thay đổi nhận thức và hành vi, bồi đắp trí tuệ của con người Việt Nam trong xã hội hiện đại, bảo tồn và phát huy các giá trị tinh hoa của dân tộc, góp phần xây dựng các nền tảng của một xã hội văn minh và hội nhập với thế giới tiến bộ.

Khoa học chính trị và kinh tế cung cấp các luận cứ sâu sắc và kịp thời trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị; đổi mới đồng bộ thể chế kinh tế, chính trị và xã hội; có nhiều đóng góp thiết thực trong việc bảo đảm sự ổn định chính trị của đất nước trong điều kiện mới. Các công trình nghiên cứu về Biển Đông, đánh giá và dự báo kịp thời cục diện chính trị và ngoại giao trong khu vực, đã phục vụ đắc lực cho công cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo và an ninh, quốc phòng.

Khoa học tự nhiên đã có tiến bộ vượt bậc về lượng và chất. Các nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học trái đất và môi trường đã góp phần nâng cao năng lực dự báo, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu ở Việt Nam. Nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên có đóng góp rất quan trọng trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, nhất là bậc sau đại học; gia cố nền tảng, năng lực nghiên cứu và đội ngũ cán bộ khoa học tài năng trong các trường đại học, viện nghiên cứu. Nhiều nhà khoa học trẻ đã nhận được các giải thưởng khoa học danh giá trong nước và quốc tế.

Khoa học kỹ thuật và công nghệ phát triển lên một tầm cao mới về năng lực và trình độ. Trong nông nghiệp, các nhà khoa học Việt Nam tạo được các giống cây trồng mới có năng suất và chất lượng vượt trội so với khu vực và thế giới: Năng suất lúa cao gấp rưỡi Thái Lan và cao nhất ASEAN; năng suất hồ tiêu và cá tra đứng đầu thế giới; năng suất cà phê và cao su đứng thứ hai thế giới. Nhiều tiến bộ kỹ thuật và quy trình công nghệ mới được ứng dụng trong trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản sau thu hoạch và chế biến, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Trong công nghiệp và dịch vụ, các chuyên gia công nghệ trong nước đã đủ năng lực thiết kế, chế tạo các thiết bị cơ khí chính xác, siêu trường, siêu trọng, giàn khoan dầu khí tự nâng ở vùng nước sâu; thiết kế, thi công các loại cầu vượt sông khẩu độ lớn, hầm đường bộ, nhà cao tầng, nhà máy nhiệt điện, thủy điện quy mô lớn. Công nghệ thông tin và truyền thông thế hệ mới, công nghệ số được ứng dụng rộng trong các ngành dịch vụ ngân hàng, hàng không, bưu chính viễn thông. Nhiều công nghệ cao như điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, mạng di động 5G đã và đang được phát triển.

Trong lĩnh vực y dược, Việt Nam nằm trong top 3 nước ASEAN và 43 nước trên thế giới tự sản xuất được vaccine làm chủ các kỹ thuật và công nghệ y học hiện đại ở trình độ cao như ghép đa tạng, thụ tinh nhân tạo, ứng dụng tế bào gốc và kỹ thuật sinh học phân tử. Trong đại

dịch COVID-19, đã kịp thời nghiên cứu, phát triển kit xét nghiệm nhanh, robot, máy thở, vaccine, phác đồ điều trị và kháng thể đơn dòng để sản xuất thuốc đặc hiệu điều trị COVID-19; góp phần kiểm soát và khống chế thành công dịch bệnh, là minh chứng cho hiệu quả của sự đầu tư kiên trì và chiến lược cho tiềm lực khoa học và công nghệ nước nhà trong nhiều năm qua.

Tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện cơ chế, chính sách

Mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ vượt bậc, nhưng khoa học và công nghệ nước ta phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và vị trí quốc sách hàng đầu. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tuy gia tăng về số lượng nhưng thiếu các chuyên gia giỏi đầu ngành trong nhiều lĩnh vực tiên phong. Các công trình nghiên cứu tầm cỡ quốc tế, có đóng góp đột phá đối với phát triển kinh tế - xã hội còn ít. Tốc độ đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp còn chậm, cho nên chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. khoa học và công nghệ chưa thật sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Thực trạng đó đặt ra thách thức rất lớn cho lực lượng khoa học và công nghệ khi đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới, hội nhập ngày càng sâu rộng và chịu sự tác động toàn cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định, một trong ba đột phá chiến lược, bên cạnh thể chế và hạ tầng, là đột phá về chất lượng nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Trong thời gian tới, Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt cho rằng khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo cần tập trung vào 5 giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật phù hợp cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển khoa học và công nghệ, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro và độ trễ trong khoa học, dỡ bỏ các rào cản duy ý chí và hành chính hóa hoạt động khoa học và công nghệ.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng chú trọng hiệu quả và tác động của nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong giải quyết các bài toán thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chú trọng chất lượng và chỉ số tác động của các bài báo, công trình công bố quốc tế; khả năng ứng dụng và thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ trong đời sống công nghiệp và xã hội; tăng cường công bố quốc tế trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Cho phép thử nghiệm chính sách mới, mô hình đổi mới sáng tạo và công nghệ mới.

Thứ hai, đổi mới hệ thống sáng tạo quốc gia lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học, viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh. Tiếp tục quan tâm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo lành mạnh. Tăng cường thiết chế hợp tác công - tư, đồng tài trợ giữa Nhà nước và doanh nghiệp cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển đồng bộ, gắn kết chặt chẽ các ngành khoa học, đồng thời giữ nguyên tắc coi trọng khoa học xã hội và nhân văn, đầu tư nền tảng cho khoa học tự nhiên, ưu tiên khoa học kỹ thuật và công nghệ; nâng cao năng lực đón đầu các ứng dụng khoa học và công nghệ tiên phong ở trình độ cao.

Xác định đúng và đúng tâm nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tập trung đầu tư và đầu tư tới ngưỡng để giải quyết các yêu cầu bức thiết trong phát triển đất nước, ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp. Xem xét khả năng phân quyền và đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ địa phương theo cụm, vùng lãnh thổ để phát huy được thế mạnh tổng hợp và lợi thế của vùng.

Thứ ba, bảo đảm các nguyên tắc công khai, minh bạch, độc lập phản biện (kể cả phản biện quốc tế) trong tuyển chọn và xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trao quyền tự chủ cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đi đôi với cơ chế bắt buộc chịu sự đánh giá độc lập và giám sát xã hội, công khai kết quả hoạt động khoa học và công nghệ. Rà soát hiện trạng để đầu tư có chọn lọc đối với một số tổ chức khoa học và công nghệ trọng điểm, hiệu quả; xem xét chấm dứt đầu tư và giải thể các cơ sở hoạt động kém hiệu quả.

Thứ tư, tiếp tục đổi mới cơ chế đầu tư và tài chính cho khoa học và công nghệ trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh, có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên chỉ số đo lường kết quả, hiệu quả đầu ra. Linh hoạt và đơn giản hóa thủ tục tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thanh quyết toán tài chính theo thông lệ quốc tế, giảm tối đa các gánh nặng hành chính cho các nhà khoa học. Mạnh dạn giao quyền sở hữu kết quả khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì để thúc đẩy ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ và có cơ chế kinh tế, tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, tham gia mạnh hơn vào hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ.

Thứ năm, tiếp tục đầu tư cải thiện hạ tầng khoa học và công nghệ, tăng cường trang thiết bị nghiên cứu, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành; kiên trì đầu tư tăng cường tiềm lực thông tin khoa học và công nghệ. Kết hợp đồng bộ giữa hạ tầng nghiên cứu, môi trường học thuật tiên tiến và tự chủ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng và các cơ hội phát triển nghề nghiệp thuận lợi cho nhà khoa học. Mở rộng hợp tác quốc tế và kết nối, thu hút hiệu quả lực lượng khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài. Trọng dụng, đãi ngộ người tài kết hợp đòi hỏi về tính liêm chính và đạo đức trong nghiên cứu.

Cải tổ bộ máy quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực quản lý khoa học và công nghệ; đổi mới tư duy quản lý để ứng phó kịp với các thay đổi không ngừng và nhanh chóng của đời sống khoa học và công nghệ; áp dụng công nghệ kỹ thuật cao trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ để giảm thủ tục hành chính đối với các nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ.

Nguồn: chinhphu.vn

XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NỀN TÀI CHÍNH QUỐC GIA THEO HƯỚNG HIỆN ĐẠI, BỀN VỮNG

Trong phiên thảo luận tại hội trường, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, sang ngày 27/01, đại biểu Đinh Tiến Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã tham luận về chủ đề “Xây dựng và hoàn thiện nền tài chính quốc gia theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước”.

Nền tài chính quốc gia tiếp tục có những bước phát triển quan trọng

Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng cho biết, thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, nhiệm kỳ vừa qua, nền tài chính quốc gia tiếp tục có những bước phát triển quan trọng, có đóng góp quyết định vào các thành quả của đất nước.

Ngành Tài chính đã đi tiên phong trong quá trình hoàn thiện thể chế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ cấu lại đồng bộ ngân sách Nhà nước, nợ công, thúc đẩy quá trình đổi mới, cơ cấu lại nền kinh tế, hội nhập, cải thiện các cân đối lớn, tăng cường ổn định vĩ mô, thúc đẩy phát triển kinh tế, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo trật tự xã hội, chủ quyền dân tộc.

Ngành tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế về quản lý thị trường chứng khoán, bảo hiểm; triển khai tích cực Đề án thành lập Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam; lần đầu đưa vào hoạt động thị trường chứng khoán phái sinh, đẩy mạnh cơ cấu lại, hiện đại hóa, phát triển các thị trường tài chính, dịch vụ tài chính phù hợp với đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các cam kết hội nhập.

Triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6, khóa XII, ngành Tài chính cũng đi tiên phong trong việc sắp xếp lại bộ máy, tinh gọn đội ngũ công chức, nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy. Đến nay, Bộ Tài chính đã cắt giảm 4.328 đầu mối các đơn vị, giảm 6.460 chỉ tiêu biên chế (tương đương 8,7% so với năm 2015); dự kiến đến năm 2021 giảm được 10% so với năm 2015, theo đúng Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị.

Triển khai chủ trương xây dựng chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số và nền kinh tế số, ngành Tài chính đã đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, 8 năm liên tiếp (kể từ năm 2013 đến năm 2020) dẫn đầu bảng xếp hạng Chỉ số tổng thể mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Đến nay, các doanh nghiệp đã cơ bản thực hiện toàn bộ các thủ tục khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, thủ tục hải quan trên môi trường điện tử. Nhờ vậy, trong giai đoạn 2016 - 2020, số giờ nộp thuế và bảo hiểm xã hội đã giảm từ 872 giờ năm 2015 xuống còn 384 giờ năm 2020 (giảm 488 giờ); thời gian làm thủ tục xuất nhập khẩu giảm từ 21 ngày năm 2015 xuống còn 115 - 130 giờ năm 2020; chỉ số nộp thuế 5 năm tăng 64 bậc, riêng năm 2019 tăng 22 bậc, ngang bằng nhóm ASEAN 4; trong bảng xếp hạng chi phí tuân thủ 8 nhóm thủ tục hành chính từ thấp đến cao, thuế được xếp ở vị trí thứ nhất, hải quan được xếp ở vị trí thứ 3.

Với những bước phát triển tương đối toàn diện ở tất cả các khâu, các lĩnh vực, nền tài chính quốc gia đã có những đóng góp quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Đặc biệt, kết quả cơ cấu lại ngân sách nhà nước và nợ công trong giai đoạn 2016 - 2020 đã củng cố tiềm lực nền tài chính quốc gia theo hướng an toàn, bền vững, đồng thời tạo dư địa huy động thêm nguồn lực để phòng, chống đại dịch COVID-19, hỗ trợ nền kinh tế tránh được suy thoái, đưa Việt Nam trở thành một trong số rất ít nền kinh tế có mức tăng trưởng dương trong năm 2020, tạo nền tảng quan trọng cho giai đoạn tới.

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế tài chính

Về định hướng, mục tiêu Chiến lược 10 năm 2021 - 2030 và phương hướng, nhiệm vụ 05 năm 2021 - 2025, Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng bày tỏ nhất trí cao với các Báo cáo của Trung ương trình Đại hội.

Bộ trưởng cho biết, trên cơ sở kết quả đạt được, dự báo bối cảnh thời gian tới, để tiếp tục thực hiện hiệu quả vai trò định hướng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ của ngành Tài chính trong giai đoạn tới là: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế tài chính, cơ cấu lại ngân sách Nhà nước, nợ công; đẩy mạnh đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; hoàn thiện việc sắp xếp khối doanh nghiệp Nhà nước, đổi mới quản trị theo đúng Nghị quyết số 12-NQ/TW Hội nghị Trung ương 5 khóa XII; tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước, giảm biên chế đi cùng với cải cách, hiện đại hóa công tác quản lý; cải thiện mạnh mẽ hiệu lực, hiệu quả bộ máy hành chính, sự nghiệp; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; củng cố dư địa tài khóa, nâng cao khả năng chống chịu của nền tài chính quốc gia.

Ngành tập trung hoàn thiện, triển khai đồng bộ hệ thống chính sách giá cả, tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp, kế toán, kiểm toán, cải cách hành chính, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư... khơi thông và phân bổ các nguồn lực tài chính theo tín hiệu thị trường, ưu tiên thu hút vốn đầu tư nước ngoài tạo giá trị gia tăng cao, quản trị hiện đại, kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu, có tác động lan tỏa, kết nối chặt chẽ hữu cơ với khu vực kinh tế trong nước, đi đôi với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; chuyển dịch đầu tư từ chiều rộng sang chiều sâu, cạnh tranh, phát triển mạnh mẽ trong môi trường hội nhập, thực hiện đầy đủ các cam kết Hiệp định thương mại tự do (FTA) trước đây, đồng thời chủ động triển khai các FTA thế hệ mới (như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA)...).

Về thể chế quản lý ngân sách Nhà nước, Ngành tập trung nghiên cứu, sửa đổi Luật Ngân sách Nhà nước, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương; hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền theo hướng Chính phủ quản lý các cân đối lớn, giữ vai trò định hướng phát triển chung cho cả nước; xây dựng cơ chế quản lý tài chính ngân sách phù hợp với trình độ phát triển kinh tế của 05 đô thị trung tâm: TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Hải Phòng, TP. Đà Nẵng, TP. Cần Thơ.

Ngành tập trung phát triển hệ thống thu hiện đại, gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước phù hợp với trình độ phát triển, hội nhập và thông lệ quốc tế, bao quát nguồn thu, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội, bảo đảm tính trung lập, góp phần tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, hiện đại, thuận tiện, điều tiết thu nhập hợp lý; đồng thời, tăng tính bền vững, bảo đảm nguồn thu đáp ứng các nhu cầu quản lý, điều hành, phát triển nền kinh tế trong tình hình mới.

Toàn Ngành đẩy mạnh cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước trên cơ sở phân định rõ vai trò, chức năng của Nhà nước và thị trường, đẩy mạnh đổi mới khu vực sự nghiệp công lập, thực hiện “xã hội hóa” trong một số lĩnh vực như y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao và tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả; triển khai quản lý ngân sách trung hạn, theo kết quả thực hiện nhiệm vụ; gắn kết chặt chẽ chi đầu tư với chi thường xuyên; mở rộng việc áp dụng các nguyên tắc thị trường trong quản lý, cung ứng dịch vụ hành chính, sự nghiệp công, quản lý, khai thác, sử dụng tài sản công; cải thiện mạnh mẽ hiệu quả, hiệu lực chi tiêu công.

Ngành quản lý chặt chẽ bội chi ngân sách và nợ công, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, tăng cường ổn định vĩ mô vững chắc; cải thiện dự địa chính sách tài khóa, đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; quyết liệt thực hiện các mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Ngành Tài chính khẩn trương hoàn thiện thể chế; hoàn thành lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công, chuyển mạnh cơ chế cấp phát theo dự toán sang cơ chế đấu thầu, đặt hàng dịch vụ công trên cơ sở tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế, kỹ thuật; đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công. Ngành phấn đấu hoàn thành các mục tiêu giảm tối thiểu bình quân cả nước 10% đơn vị sự nghiệp công lập; có tối thiểu 20% đơn vị tự chủ tài chính; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện hoàn thành chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Ngành khẩn trương hoàn thiện cơ chế cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nhất là vấn đề xác định giá trị quyền sử dụng đất, tài sản cố định, thương hiệu; tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán, không để xảy ra thất thoát vốn, tài sản nhà nước trong quá trình sắp xếp, cổ phần hóa, quản lý và sử dụng vốn nhà nước.

Quản trị tiên tiến, minh bạch

Đến năm 2025, Ngành hoàn thành việc sắp xếp lại khối doanh nghiệp nhà nước, tinh gọn số lượng, tập trung nguồn lực đầu tư nhà nước vào các doanh nghiệp nhà nước có vị trí quan trọng, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; cơ cấu lại, phát triển các doanh nghiệp này theo cơ chế thị trường, công nghệ hiện đại, quản trị tiên tiến, minh bạch, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế; xử lý cơ bản xong những yếu kém, thua lỗ, thất thoát của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước hiện nay. Tiền thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước được quản lý tập trung và chi sử dụng cho đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, quan trọng quốc gia, bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp nhà nước then chốt quốc gia.

Ngành Tài chính tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính-ngân sách, tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, công khai, minh bạch; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Ngành phấn đấu đến năm 2025 hoàn thành xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số ở những lĩnh vực tài chính quốc gia, tài chính công trọng yếu (ngân sách Nhà nước, thuế, hải quan, chứng khoán, quản trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp...).

Ngành Tài chính thực hiện hiệu quả nguyên tắc chi trong khả năng nguồn lực, vay trong khả năng trả nợ, gắn trách nhiệm quản lý huy động, sử dụng, với quản lý bội chi, trả nợ và trách nhiệm giải trình; hoàn thiện cơ sở dữ liệu về thu, chi, nợ công, tài sản công, tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, điều hành tài chính công ở cả phạm vi vĩ mô và vi mô; nâng cao tính công khai, minh bạch; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...

Ngành nâng cao năng lực, chất lượng và mở rộng hoạt động của công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán tài chính theo nguyên tắc rủi ro và ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường hiệu lực của hệ thống giám sát nội bộ, vai trò của công tác giám sát từ xa; phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, địa phương để xử lý có hiệu quả các kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thu hồi tối đa cho Nhà nước tiền, tài sản bị vi phạm, chiếm đoạt.

Nguồn: ttxvn

BỘ QUỐC PHÒNG: TRIỂN KHAI TOÀN DIỆN CÁC NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Thủ trưởng Bộ Quốc phòng đã ký quyết định ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 trong Bộ Quốc phòng.

Năm 2021, Bộ Quốc phòng yêu cầu các nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị; gắn kết chặt chẽ giữa công tác cải cách hành chính với triển khai kế hoạch xây dựng Chính phủ điện tử trong Bộ Quốc phòng giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025; thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính phải đi đôi với xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”; lấy kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua, khen thưởng.

Kế hoạch xác định rõ 7 nội dung nhiệm vụ thực hiện cải cách hành chính trong Bộ Quốc phòng, gồm: Công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử. Trong mỗi nội dung nhiệm vụ đều phân công cơ quan chủ trì; cơ quan, đơn vị phối hợp và thời gian thực hiện. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng phải xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và tổ chức

triển khai thực hiện; định kỳ hằng quý, 6 tháng và cuối năm báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính về Bộ Quốc phòng.

Nguồn: qdnd.vn

BỘ CÔNG THƯƠNG: TIẾP TỤC XÂY DỰNG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn và bất ổn, tuy nhiên, với sự quyết tâm, chung sức, đồng lòng thực hiện “mục tiêu kép”, công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế tiếp tục là nhiệm vụ được Lãnh đạo Bộ Công Thương và các đơn vị quan tâm, chú trọng. Từ đó, kịp thời ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, nhanh chóng phục hồi, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh.

Theo Vụ Pháp chế (Bộ Công Thương), công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương đã đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân liên quan, từ đó tiếp thu đề văn bản có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế khách quan hơn. Tính đến nay, Bộ đã trình Chính phủ 3 Nghị định, trình Thủ tướng Chính phủ 1 Quyết định, ban hành 55 Thông tư đạt 98,3% kế hoạch.

Đối với công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, theo Vụ Pháp chế, đây là nhiệm vụ thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực Công Thương. Theo đó, năm 2020, Vụ Pháp chế đã tự kiểm tra theo chuyên đề đối với 23 văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Bộ Công Thương ban hành liên quan đến lĩnh vực giá đang còn hiệu lực. Mặt khác, chủ trì kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành. Tính đến ngày 15/12/2020, Vụ Pháp chế đã thực hiện kiểm tra đối với 625 văn bản của các Bộ, ngành, địa phương ban hành và tiến hành họp kiểm tra, có biên bản xử lý kết quả kiểm tra đối với 305 văn bản có dấu hiệu chưa tuân thủ đầy đủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đặc biệt, giai đoạn 2019 - 2020, với quan điểm không ngừng đổi mới, quyết liệt hành động và tiếp nối những thành quả đạt được từ công tác cải cách hành chính, đơn giản hóa, cắt giảm điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực quản lý từ các năm trước đó Vụ Pháp chế đã tham mưu bộ có văn bản chỉ đạo các đơn vị chức năng rà soát đề đơn giản, cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Theo đó, Bộ đã cắt giảm, đơn giản hóa 205 điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Như vậy, đến nay, Bộ Công Thương đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa tổng cộng là 880 điều kiện trên tổng số 1.216 điều kiện (chiếm 70%). Hiện nay, số lượng điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương còn lại 553 điều kiện thuộc 25

ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư và là Bộ tiên phong hoàn thành việc cắt giảm điều kiện kinh doanh theo các chỉ đạo của Chính phủ.

Ngoài ra, thực hiện công tác quản lý, xử lý vi phạm hành chính, Vụ Pháp chế đã tham mưu bộ tổ chức triển khai nhiều hoạt động như: Hoàn thiện thể chế nhằm đảm bảo việc thực thi nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính của các chủ thể có thẩm quyền; ban hành nhiều văn bản chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên thị trường; chú trọng kiểm tra, xử lý các vấn đề nóng, nổi cộm trên cơ sở bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo 389 quốc gia...

Nguồn: congthuong.vn

NHỮNG CHUYỂN BIẾN LỊCH SỬ TRONG CẢI CÁCH THỦ TỤC THUẾ, HẢI QUAN

Những năm qua, ngành Tài chính đã đẩy mạnh cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, nhất là lĩnh vực thuế, hải quan đã có bước ngoặt lớn, qua đó tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Cắt giảm, đơn giản hóa hàng trăm thủ tục, điều kiện kinh doanh

Lĩnh vực thuế, hải quan có tác động đến 100% doanh nghiệp, vì vậy việc cải cách, đơn giản hóa, minh bạch hóa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực này là vô cùng cấp thiết. Ngành Tài chính đã có những cải cách mạnh mẽ về thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, vừa hỗ trợ công tác quản lý, vừa hỗ trợ cho doanh nghiệp. Những nỗ lực này, trên thực tế, đã được “đong đếm” bằng những con số cụ thể, ý nghĩa.

Nhiều năm qua, Bộ Tài chính luôn tổ chức các hội nghị Đối thoại về chính sách, thủ tục hành chính thuế và hải quan. Đây là các hội nghị thường niên, nhằm tháo gỡ trực tiếp vướng mắc cho doanh nghiệp.

Tại hội nghị năm 2020, Thứ trưởng Bộ Tài chính Vũ Thị Mai cho biết, thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, các năm qua và giai đoạn 2016 - 2020, đặc biệt năm 2020, Chính phủ luôn ưu tiên chú trọng việc cải cách thủ tục hành chính, trong đó có thủ tục về thuế, hải quan. Qua đó, đã tạo môi trường kinh doanh ngày càng thuận lợi cho các doanh nghiệp, tạo thuận lợi trong việc thực hiện các nghĩa vụ về thuế với ngân sách Nhà nước.

Tuy nhiên, theo Thứ trưởng Bộ Tài chính Vũ Thị Mai, các chính sách và thủ tục hành chính về thuế và hải quan vẫn đòi hỏi phải liên tục được hoàn thiện, cập nhật kịp thời cho phù hợp với yêu cầu thực tế trong khi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lại rất sôi động, đa dạng.

Trên thực tế, báo cáo của Bộ Tài chính cho thấy, từ năm 2016 đến nay, Bộ đã thực hiện cắt giảm 304 thủ tục hành chính và đơn giản hóa 265 thủ tục hành chính. Theo đó, tính đến 31/10/2020, tổng số thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính

là 979 thủ tục hành chính. Đáng nói, 100% thủ tục hành chính đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trong đó số thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 là 585 thủ tục, đạt gần 60% tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính đã tích hợp 294 thủ tục hành chính dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhất là thủ tục hành chính thuế, hải quan đã giúp tiết kiệm cho doanh nghiệp rất nhiều, cả về thời gian, nhân lực lẫn chi phí. Chẳng hạn, với thủ tục đăng ký thuế, với việc thống nhất mã số đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thành 1 mã số doanh nghiệp duy nhất và thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông, đã giúp rút ngắn được thời gian cấp mã số thuế từ 30 ngày xuống còn không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ của người nộp thuế...

Đối với việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, từ năm 2018 đến nay, Bộ Tài chính đã trình Quốc hội ban hành 2 Luật, trình Chính phủ ban hành 2 Nghị định, theo đó đã cắt giảm và đơn giản hóa 163 điều kiện (cắt giảm 73 điều kiện, đơn giản hóa 90 điều kiện).

Theo đó, tổng số điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính còn hiệu lực hiện nay là 290 điều kiện thuộc 20 ngành, nghề kinh doanh, giảm 80 điều kiện so với năm 2018.

Cải cách mạnh mẽ thủ tục thuế, hải quan hỗ trợ doanh nghiệp

Trong 8 năm trở lại đây, ngành Thuế, hải quan đã có những bước chuyển biến lịch sử khi chuyển mình từ phương thức quản lý thủ công, bán điện tử sang phương thức quản lý hiện đại dựa trên việc ứng dụng điện tử, công nghệ thông tin và sử dụng các trang thiết bị hiện đại.

Trong đó, đối với lĩnh vực thuế, đã có 807.106 doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử, đạt 99,63% số doanh nghiệp đang hoạt động, số lượng hồ sơ khai thuế điện tử đã tiếp nhận từ ngày 01/01/2020 đến ngày 19/12/2020 là hơn 13 triệu hồ sơ. Về hoàn thuế điện tử, số doanh nghiệp được hoàn thuế đạt 95,62%, tổng số hồ sơ hệ thống đã giải quyết hoàn là 19.356 hồ sơ với tổng số tiền hơn 118.482 tỷ đồng.

Ngành Thuế cũng đã thực hiện thí điểm dịch vụ hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế đối với 255 doanh nghiệp tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, tiến tới mở rộng trên toàn quốc. Đã có 1.150.798 hóa đơn đã được cấp mã với tổng doanh thu là hơn 33.480 tỷ đồng, số thuế trên hóa đơn đã cấp mã là hơn 2.953 tỷ đồng.

Mới đây nhất, Tổng cục Thuế đã ra mắt Hệ thống eTax, theo đó thiết lập 479 kênh thông tin hỗ trợ người nộp thuế trong toàn ngành, đảm bảo tất cả doanh nghiệp, người nộp thuế đều được hỗ trợ qua kênh thông tin điện tử này...

Trong lĩnh vực hải quan, năm 2014, lần đầu tiên Hải quan Việt Nam sử dụng hệ thống hải quan tự động (VNACCS/VCIS). Cho đến thời điểm hiện tại, tất cả các thủ tục hải quan cốt lõi hoàn toàn thực hiện bằng phương thức tự động thông qua thông quan tự động tại tất cả các đơn vị hải quan trên phạm vi toàn quốc với hơn 99% doanh nghiệp tham gia. Hệ thống này cũng xử lý hơn 99,6% tờ khai và thời gian tiếp nhận, xử lý, trả kết quả trong thời gian chỉ từ 1 - 3 giây.

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (World Bank), nhờ hệ thống thông quan tự động, thời gian thông quan những lô hàng xuất khẩu giảm 3 giờ và giảm 6 giờ với lô hàng nhập khẩu. Với

khoảng 11 - 12 triệu tờ khai/năm, hệ thống thông quan điện tử đã giúp tiết kiệm khoảng 200 triệu USD. Cơ quan thuế đã kết nối với 55 ngân hàng thương mại để phục vụ việc (99,49%) kê khai, (98,84%) nộp thuế, (97,52%) hoàn thuế điện tử cho người dân và doanh nghiệp.

Theo lãnh đạo Tổng cục Hải quan, hiện đã có 98,6% thuế, phí, lệ phí với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện bằng phương thức điện tử tiên tiến. Trong đó, với “Chương trình nộp thuế điện tử doanh nghiệp nhờ thu” đã có 44 ngân hàng phối hợp thu với Tổng cục Hải quan, trong đó có 37 ngân hàng tham gia nộp thuế điện tử và thông quan 24/7. Nhờ chương trình này, thời gian nộp thuế trước đây tính bằng giờ thì hiện tại chỉ tính chỉ bằng giây, không kể thời gian khai báo.

Nỗ lực cải cách của Bộ Tài chính đã được các chuyên gia kinh tế, lãnh đạo hiệp hội doanh nghiệp và doanh nghiệp đánh giá cao. Theo TS. Ngô Hoài Nam, Phó Chủ tịch Thường trực, Tổng Thư ký Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Bộ Tài chính tiên phong trong cải cách thủ tục hành chính.

Ông cho rằng, Bộ luôn tiên phong trong cải cách, nhất là trong lĩnh vực thuế, hải quan, giúp giảm mạnh thời gian nộp thuế và thông quan hàng hóa. “Đặc biệt, mức độ cải cách thủ tục hành chính của ngành Tài chính luôn được duy trì liên tục, ổn định trong nhiều năm, theo phương châm lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, là thước đo của công tác cải cách hành chính. Cộng đồng doanh nghiệp kỳ vọng công tác cải cách hành chính của ngành Tài chính sẽ tiếp tục được đẩy mạnh, để hỗ trợ hơn nữa cho người dân và doanh nghiệp” - TS. Ngô Hoài Nam nói.

Với việc cắt giảm, đơn giản hóa, minh bạch hóa, điện tử hóa trong việc thực hiện các thủ tục hành chính thuế, hải quan thời gian qua không chỉ tiết kiệm được rất nhiều về thời gian, chi phí nhân lực cho cả doanh nghiệp lẫn cơ quan thuế, hải quan, mà còn hạn chế tối đa sự can thiệp, tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ với doanh nghiệp, qua đó tránh phát sinh những vấn đề tiêu cực, những “chi phí ngầm bần”.

Trong thời gian tới, đây vẫn là mục tiêu ưu tiên của ngành Tài chính, nhằm hỗ trợ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

HÀ NỘI: THÀNH LẬP ĐOÀN KIỂM TRA CÔNG VỤ NĂM 2021; PHẤN ĐẤU NĂM 2021, CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH ĐƯỢC CẢI THIỆN, TĂNG ÍT NHẤT 5 BẬC

*** Thành lập Đoàn kiểm tra công vụ năm 2021**

Ngày 25/01/2021, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Quyết định số 510/QĐ-UBND về việc thành lập Đoàn kiểm tra công vụ và tiến hành kiểm tra công vụ năm 2021.

Theo quyết định, Đoàn kiểm tra công vụ gồm 15 người. Bà Vũ Thu Hà, Giám đốc Sở Nội vụ là Trưởng đoàn. Các Phó Trưởng đoàn và thành viên đoàn thuộc các sở, ngành, cơ quan thành phố: Văn phòng Ủy ban nhân dân, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Thanh tra thành phố...

Đoàn kiểm tra công vụ có nhiệm vụ kiểm tra công vụ đối với các sở, cơ quan tương đương sở; đơn vị sự nghiệp trực thuộc thành phố; các cơ quan hành chính trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại thành phố; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; các xã, phường, thị trấn thuộc thành phố; các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố liên quan đến nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Thời hạn kiểm tra đến hết ngày 31/12/2021.

*** Phấn đấu năm 2021, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (Chỉ số PAPI) được cải thiện, tăng ít nhất 5 bậc**

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND về cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của thành phố Hà Nội năm 2021.

Theo đó, song song triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội chỉ đạo các sở, ngành, quận, huyện, thị xã tổ chức thực hiện tốt những nội dung trọng tâm gắn với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Cụ thể, khối sở, ngành thành phố: Tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về Chỉ số PAPI; trách nhiệm tham gia các nội dung, nhiệm vụ, góp phần nâng cao Chỉ số PAPI của thành phố. Thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, hoàn thành đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng các nội dung chương trình, kế hoạch công tác của ngành, đơn vị.

Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính đối với người dân và doanh nghiệp. Tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố và thực hiện tốt việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành, đơn vị; nâng cao chất lượng chỉ đạo điều hành của đội ngũ cán bộ, chất lượng tham mưu của đội ngũ công chức, chất lượng phục vụ của đội ngũ viên chức và người lao động. Làm tốt công tác phòng chống tham nhũng trong cơ quan, đơn vị, trong ngành; thực

hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp thu và phản hồi kịp thời các kiến nghị của công dân đối với cơ quan, đơn vị, ngành.

Khối quận, huyện, thị xã tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền tới người dân về những kết quả, những nỗ lực của chính quyền thành phố, địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống tham nhũng, thực hiện dân chủ cơ sở; các luật, nghị định, văn bản dưới luật liên quan trực tiếp đến người dân nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn xã hội trong thực hiện dân chủ, nâng cao ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính; trách nhiệm và chất lượng thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức; đảm bảo hoạt động của bộ máy chính quyền cấp huyện, cấp xã chuyên nghiệp và hiệu quả. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân.

Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thực hiện đúng, đủ về công khai, minh bạch các nội dung thuộc trách nhiệm của chính quyền địa phương; đề cao trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong giải quyết những vướng mắc của người dân, tập trung giải quyết có hiệu quả những khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân; tăng cường đối thoại trực tiếp và thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp công dân; tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia nhiều hơn vào quá trình hoạch định cơ chế, chính sách; tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương và thành phố. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và quần chúng nhân dân; tăng cường các hình thức nắm thông tin, nắm bắt ý kiến đánh giá của người dân đối với hoạt động của chính quyền địa phương; nghiêm túc thực hiện quy định về đối thoại giữa chính quyền và nhân dân, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội, đối thoại với tổ chức, công dân về giải quyết thủ tục hành chính. Tăng cường mở rộng dân chủ trực tiếp, nhất là ở các lĩnh vực mới, phức tạp; tạo điều kiện để nhân dân tham gia công tác xây dựng chính quyền, tham gia quản lý nhà nước và xã hội...

Khối đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố tuyên truyền trong đội ngũ viên chức, người lao động về các nội dung của Chỉ số PAPI, xác định nhiệm vụ, trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ; trong thực hiện các dịch vụ công, đóng góp vào việc cải thiện, nâng cao Chỉ số PAPI của thành phố. Chủ động trong công tác cải cách hành chính của đơn vị; cải tiến quy trình làm việc; ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của đơn vị. Phối hợp tốt với chính quyền địa phương nơi đơn vị đứng chân và triển khai cung ứng dịch vụ nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, góp phần cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Nguồn: hanoimoi.com.vn/phapluatxahoi.vn

QUẢNG NINH: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠO BỨT PHÁ TỪ ĐÂY MẠNH CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Xác định cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy, tổ chức; đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, người dân trong lĩnh vực khoa học và công nghệ là nhiệm vụ quan trọng, năm 2021, ngành Khoa học và Công nghệ tỉnh sẽ triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt, nhằm hướng đến một nền hành chính hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Đây cũng là một trong nhiều mục tiêu mà ngành sẽ tiếp tục tập trung trong giai đoạn tới, qua đó, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ Khoa học và Công nghệ để tạo bứt phá trong các ngành, lĩnh vực.

Những năm qua, Sở Khoa học và Công nghệ đã tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt những giải pháp nhằm tăng cường trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị và người đứng đầu đơn vị về công tác cải cách hành chính. Trong đó, đơn giản hóa thủ tục hành chính được coi là mục tiêu tiên quyết nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

Theo lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, năm 2021, Sở sẽ tiếp tục tham mưu phân cấp, ủy quyền, giao quyền trong giải quyết thủ tục hành chính và xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của từng cá nhân có liên quan trong toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Duy trì 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đảm bảo thời gian giải quyết theo quy trình.

Cùng với đó, thực hiện đầy đủ, kịp thời việc công bố, niêm yết, công khai thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, trang thông tin thành phần của Sở và nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Duy trì và thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính của Sở tại phần mềm một cửa điện tử đảm bảo 100% thủ tục hành chính của đơn vị được kiểm soát chặt chẽ trong toàn bộ quá trình thực hiện; 100% thủ tục hành chính được trả kết quả đúng và trước hẹn. Phần đầu đạt trên 90% số hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận trực tuyến qua mạng.

Đặc biệt, việc nâng cao trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính được Sở xác định đặt lên hàng đầu; kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp, hành vi gây những nhiễu, phiền hà trong thực thi công vụ và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính và thực thi công vụ theo nhiệm vụ được giao.

Trong cải cách thể chế, Sở Khoa học và Công nghệ cũng tiếp tục rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đúng quy trình, quy định của Trung ương, của tỉnh; đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế,

chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Cùng với đó, làm tốt nhiệm vụ cải cách tổ chức bộ máy theo hướng đồng bộ, tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu công việc; tiếp tục rà soát tham mưu giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp. Sở cũng sẽ triển khai rà soát, tham mưu sắp xếp thực hiện đúng quy định về sử dụng biên chế hành chính nhà nước và quy định về số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp. Tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu tình hình mới.

Theo Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hoàng Bá Nam, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính là một nhiệm vụ quan trọng được đơn vị xác định là nhiệm vụ thường xuyên. Do vậy, trong thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tiếp tục bám sát kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh; cụ thể hóa bằng những nhiệm vụ, giải pháp gắn với công tác chuyên môn của đơn vị. Quyết tâm cao nhất là mang lại sự hài lòng của tổ chức và công dân, đồng thời nâng tầm khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ninh.

Nguồn: baoquangninh.com.vn

LÀO CAI: TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ DÂN CƯ

Ngày 26/01, tại TP. Lào Cai, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã tổ chức Hội nghị tổng kết Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 (Đề án 896).

Trong giai đoạn 2013 - 2020, Ban Chỉ đạo 896 tỉnh Lào Cai đã chỉ đạo thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo 896 Trung ương. Theo đó, Ban Chỉ đạo 896 tỉnh đã chủ động đề ra các nhiệm vụ trọng tâm hàng năm, ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ đề ra theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Công an.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đã tích cực phối hợp hiệu quả với cơ quan Công an thực hiện tuyên truyền về Đề án, phối hợp hiệu quả trong công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phối hợp chặt chẽ trong việc cấp số định danh cá nhân, giải quyết những tồn tại, hạn chế trong các giấy tờ hộ tịch của công dân. Đồng thời, đẩy mạnh thực hiện liên thông các thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; đã thực hiện 1.584 thủ tục hành chính cấp tỉnh; cung cấp 1.128/1.990 thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4...

Trong quá trình triển khai Đề án 896, Công an tỉnh - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đã tham mưu tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, thành lập đoàn kiểm

tra việc thực hiện công tác thu thập, cập nhật, chỉnh sửa; kiểm tra, phúc tra thông tin về dân cư tại các đơn vị. Từ năm 2018 đến nay, tổ chức 165 cuộc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn. Tính đến đầu tháng 12/2020, đã thu thập được trên 760 nghìn phiếu thu thập thông tin dân cư, đạt tỷ lệ 99,47%; đã kiểm tra, phúc tra đối sánh xong thông tin; được trang bị, lắp đặt hệ thống máy tính, trang thiết bị; được đào tạo tập huấn chuyển giao phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trong thời gian tới, Ban Chỉ đạo 896 tỉnh tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn đối với các sở, ngành, Ban Chỉ đạo 896 cấp huyện, xã thực hiện Đề án và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo 896 Trung ương. Đẩy mạnh tuyên truyền về Luật Căn cước công dân, Luật Cư trú (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong quá trình triển khai cấp căn cước công dân.

Nguồn: dangcongsan.vn

HÀ NAM: HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH

Năm 2020, tỉnh Hà Nam triển khai và tổ chức thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả công tác cải cách hành chính. Nhận thức, trách nhiệm của các cấp, ngành, cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu trong thực hiện cải cách hành chính được nâng lên. Các cấp, ngành, cơ quan huy động nhiều nguồn lực để củng cố, bổ sung trang thiết bị thực hiện Đề án chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp, ngành tiếp tục được đơn giản hóa, cắt giảm thời gian, quy trình giải quyết. Tỉnh đã ban hành 19 quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã. Trong tổng số 1.980 bộ thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có 595 bộ, chiếm 30,1%; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 1.226 bộ, chiếm 61,9%; dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 là 159 bộ, chiếm 8%. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên, cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn. Tính đến hết tháng 10/2020, tỉnh đã thực hiện tinh giản biên chế 76 trường hợp.

Tỉnh Hà Nam xác định phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 là tiếp tục thực hiện cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực, chú trọng hiện đại hóa nền hành chính, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính; nâng cao chất lượng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có đủ phẩm chất chính trị, năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu công tác và phục vụ sự phát triển của tỉnh. Tỉnh Hà Nam phấn đấu các Chỉ số: Năng lực cạnh tranh (PCI), hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), cải cách hành chính (PAR Index), sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh đứng ở nhóm từ 20 - 25 tỉnh, thành phố có thứ hạng cao trong cả nước. Trước mắt, các sở, ngành, địa phương tập

trung khắc phục những hạn chế, bất cập trong cải cách hành chính, chú trọng rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giải quyết tình trạng chồng chéo trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên thông giữa các sở, ngành, địa phương, bảo đảm thông thoáng, tinh gọn, nhanh chóng. Sở Nội vụ tỉnh Hà Nam phối hợp cùng các ngành liên quan tăng cường tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức tại 109 xã, phường, thị trấn về ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành trong xử lý công việc; tiếp tục nâng cấp phần mềm quản lý văn bản điều hành để triển khai liên thông bốn cấp, bảo đảm theo dõi được quá trình xử lý văn bản và tăng cường tích hợp ứng dụng chữ ký số trên phần mềm. Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh sẽ thường xuyên kiểm tra, giám sát, kiểm tra đột xuất công tác cải cách hành chính tại các cấp, ngành; tiến hành thanh tra công vụ, đánh giá hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công, bộ phận tiếp nhận, trả kết quả ở xã, phường, thị trấn.

Nguồn: nhandan.com.vn

QUẢNG NAM: BAN HÀNH KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Ngày 22/01/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch số 421/KH-UBND về triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập có hiệu quả. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch này nhằm rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố làm cơ sở để xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, việc thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập phải thực hiện đúng nguyên tắc đơn vị sự nghiệp công lập phải tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu); việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập không được làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó của đơn vị và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

Việc sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập và sắp xếp, bố trí số lượng cấp phó trong đơn vị sự nghiệp công lập trên toàn tỉnh phải được hoàn thành trước ngày 23/3/2021.

Hòa Tiên, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam

KHÁNH HÒA: NĂM 2021, PHẤN ĐẤU ĐẠT MỨC ĐỘ HÀI LÒNG TRÊN 81%; PHẤN ĐẤU NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH

*** Năm 2021, phấn đấu đạt mức độ hài lòng trên 81%**

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành kế hoạch cải cách hành chính tỉnh năm 2021, với trọng tâm là tiếp tục thực hiện quyết liệt cải cách thể chế và thủ tục hành chính; đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; thực hiện các biện pháp tạo chuyển biến căn bản chất lượng chính quyền cơ sở. Tỉnh phấn đấu, mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập đạt trên 81%.

Để đạt được mục tiêu trên, tỉnh sẽ tập trung cải thiện và duy trì Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh Khánh Hòa ở nhóm tốt; tiếp tục triển khai toàn diện, hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đẩy mạnh dịch vụ hành chính công trực tuyến; phấn đấu tỷ lệ hồ sơ sớm hạn trên các lĩnh vực: đất đai, môi trường, đầu tư, xây dựng, nhà đất, thuế, bảo hiểm xã hội, lao động, thương binh và xã hội giảm xuống 2%. 100% dịch vụ công trực tuyến được tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia theo đúng lộ trình đăng ký. 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được công bố thực hiện trực tuyến mức độ 3, 4, đồng thời được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, gồm cả thiết bị di động.

Đặc biệt, tỉnh phấn đấu tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt từ 30% trở lên (hoặc tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết của các thủ tục hành chính trực tuyến được công bố đạt từ 50% trở lên). Tỉnh Khánh Hòa cũng sẽ hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh. Đồng thời, rà soát, sắp xếp tổ chức, bộ máy theo các nghị định mới của Chính phủ và tiếp tục tinh giản biên chế theo lộ trình. Bên cạnh đó, tỉnh Khánh Hòa sẽ hoàn thành cơ bản việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện thực hiện tự chủ hoàn toàn, hạch toán như doanh nghiệp... Kế hoạch cũng giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thực hiện, trong đó, Sở Nội vụ là cơ quan thường trực.

*** Phấn đấu nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)**

Tại Hội nghị phân tích Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019 và đề xuất giải pháp cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh Khánh Hòa diễn ra mới đây, nhiều ý kiến cho rằng không nên chỉ tập trung vào điểm số các chỉ số thành phần, mà phải tìm cách nâng cao Chỉ số PCI một cách bền vững.

Năm 2019, Chỉ số PCI tỉnh Khánh Hòa đạt 65,37 điểm, tăng 0,95 điểm so với năm 2018 và xếp hạng 29/63 tỉnh, thành, giảm 12 bậc. So với năm 2018, có 5 chỉ số tăng bậc gồm: Tiếp cận đất đai, tính minh bạch, chi phí thời gian, chi phí không chính thức, đào tạo lao động; 5 chỉ số giảm bậc gồm: Gia nhập thị trường, cạnh tranh bình đẳng, tính năng động và tiên phong của chính quyền, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự. Trong 10 chỉ số thành phần, có 2 chỉ số giảm điểm là gia nhập thị trường và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; có những chỉ số giảm xếp hạng sâu như: Gia nhập thị trường giảm 27 bậc (đứng thứ 61/63 tỉnh, thành), tính tiên phong lãnh đạo tỉnh giảm 23 bậc...

Giám đốc chương trình PCI, Trưởng ban Ban Pháp chế Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Đậu Anh Tuấn đánh giá, Hội nghị được tổ chức thể hiện sự quan tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đối với việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh trong thời gian tới. Có nhiều yếu tố hình thành môi trường kinh doanh như: Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, quy mô thị trường, chính sách pháp luật. Trong đó, chính sách pháp luật là yếu tố quan trọng bởi chính sách tốt sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư, đặc biệt là những nhà đầu tư có chất lượng.

Tuy tỉnh Khánh Hòa có nhiều tiềm năng và thế mạnh nhưng vốn đầu tư FDI của tỉnh Khánh Hòa còn thấp so với mặt bằng chung cả nước. Từ trước đến nay, tỉnh Khánh Hòa chưa từng lọt vào top 15 các tỉnh, thành phố có Chỉ số PCI cao. Từ năm 2015 đến nay, Chỉ số PCI của tỉnh Khánh Hòa liên tục tăng điểm nhưng về thứ hạng thì đi xuống và luôn nằm ở nhóm giữa. Theo Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa Trần Minh Hải, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có chương trình hành động cải thiện Chỉ số PCI giai đoạn 2018 - 2020 nhưng chưa thật sự hiệu quả. Vì thế, tỉnh Khánh Hòa cần xây dựng chương trình cải thiện Chỉ số PCI giai đoạn 2021 - 2025 và có đánh giá từng năm để rút kinh nghiệm.

Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa Nguyễn Văn Minh nhấn mạnh, nêu chỉ tập trung quan tâm cải thiện các chỉ số thành phần giảm thứ hạng và giảm điểm liệu có bền vững, bởi bản chất Chỉ số PCI chỉ là kết quả thể hiện cảm nhận, đánh giá của các doanh nghiệp. Giải pháp căn cơ là nỗ lực duy trì và không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh. Nếu làm tốt việc cải thiện môi trường kinh doanh, đương nhiên doanh nghiệp sẽ đánh giá tích cực, giúp Chỉ số PCI tăng bền vững.

Trong khi đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa Nguyễn Vĩnh Thạnh cho rằng, trong các giải pháp, cần quay lại vấn đề tổ chức bộ máy và con người, xem lại việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của bộ phận một cửa và các cơ quan chuyên môn. Hiện nay, vẫn còn tình trạng “trên nóng dưới lạnh”, lãnh đạo cấp trên cầu thị nhưng cán bộ một cửa còn chưa tốt; cần phải xem xét trách nhiệm của từng cán bộ, công chức trong đánh giá xếp loại cuối năm chứ không thể năm nào cũng “hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, trong khi các chỉ số của tỉnh giảm không phanh.

Nguồn: baokhanhhoa.vn

ĐỒNG NAI: TRONG NĂM 2021, CUNG CẤP 100% DỊCH VỤ CÔNG ONLINE MỨC ĐỘ 4

Trong Chương trình chuyển đổi số của tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đặt mục tiêu phấn đấu trong năm 2021 cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau.

Hướng tới nâng cao trải nghiệm và chất lượng sống của người dân

Chương trình chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ra quyết định phê duyệt mới đây, đã xác định tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh này trở thành đô thị thông minh với những đổi mới căn bản, toàn diện về hoạt động quản lý điều hành của bộ máy chính quyền tỉnh hiệu quả, minh bạch hơn.

Cùng với đó, tỉnh Đồng Nai sẽ là một trong những cực tăng trưởng quan trọng của cả nước và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam về phát triển kinh tế dựa trên khoa học công nghệ và nguồn lực chất lượng cao tạo ra giá trị mới, giúp tăng năng suất lao động, tạo động lực tăng trưởng mới; người dân bình đẳng về cơ hội tiếp cận dịch vụ, đào tạo, tri thức, thu hẹp khoảng cách phát triển, giảm bất bình đẳng. Các ngành, các lĩnh vực được tối ưu, thông minh hóa hướng đến nâng cao trải nghiệm và chất lượng sống của người dân.

Bên cạnh các mục tiêu tổng quát hướng tới, Chương trình chuyển đổi số của tỉnh Đồng Nai cũng nêu rõ mục tiêu cụ thể cần đạt trong giai đoạn đến năm 2025 và đến năm 2030.

Theo đó, đến năm 2025, 100% giao dịch trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh sẽ được xác thực điện tử. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt trên 60%; trên 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính.

Cũng đến năm 2025, 100% lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và 80% lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tại tỉnh Đồng Nai được cấp và sử dụng chữ ký số; 100% hệ thống thông tin của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu - LGSP; phấn đấu 80% cuộc họp giữa cấp tỉnh với cấp huyện, cấp huyện với cấp xã được tổ chức theo hình thức trực tuyến...

Tỉnh Đồng Nai cũng đặt mục tiêu đến năm 2025 kinh tế số chiếm 20% GRDP, tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10% và năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 10%.

Về xã hội số, vào năm 2025, tỷ lệ áp/khu phố của tỉnh Đồng Nai đảm bảo hạ tầng cáp quang cung cấp cho hộ gia đình đạt 100%, tỷ lệ xã có hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đạt 100% và 100% áp/khu phố được phủ sóng 3G - 5G. Trên 60% người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có tài khoản thanh toán điện tử.

10 lĩnh vực tỉnh Đồng Nai ưu tiên chuyển đổi số

Để đạt được các mục tiêu trên, Chương trình chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đề ra những nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cần tập trung trong thời gian tới về phát triển nền tảng chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Trong đó, về phát triển Chính phủ số, các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu gồm có: triển khai hiệu quả các nội dung tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử; tiếp tục mở rộng, hoàn thiện nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh - LGSP theo các định hướng và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, kết nối với nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia - NGSP và các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành trung ương.

Đồng thời, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh kết nối với Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn), tích hợp với thành phần dữ liệu mở của Hệ tri thức Việt số hóa, cung cấp dữ liệu mở, cung cấp hiện trạng và lộ trình xây dựng dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, mức độ chia sẻ và sử dụng dữ liệu và các thông tin cần thiết để kết nối; Phát triển, hoàn thiện Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia để cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4...

Để phát triển kinh tế số, tỉnh Đồng Nai sẽ triển khai đồng bộ nhiều nhóm giải pháp như: phổ biến kiến thức về chuyển đổi sang kinh tế số, hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp, triển khai thành công chính quyền số làm điểm tựa cho phát triển kinh tế số.

Một trong những giải pháp của Đồng Nai để phát triển xã hội số là có chính sách hỗ trợ, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, cung cấp dịch vụ, phân đầu hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 90% hộ gia đình và 100% xã vào năm 2025.

Bên cạnh đó, xây dựng chiến lược truyền thông trực tuyến và các kênh truyền thông trực tuyến để đẩy mạnh việc người dân, doanh nghiệp, các tổ chức tham gia vào chương trình chuyển đổi số của tỉnh; triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, Giám đốc điều hành các doanh nghiệp và cho người lao động tại khu công nghiệp...

Chương trình chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai cũng xác định rõ 10 lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số, bao gồm: đô thị thông minh, y tế, giáo dục, giao thông vận tải và logistics, tài chính - ngân hàng, du lịch, nông nghiệp, môi trường, năng lượng, sản xuất công nghiệp.

Nguồn: ictnews.vietnamnet.vn

GIẢI PHÁP NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nâng cao nhận thức về đạo đức công vụ, biến nhận thức về đạo đức công vụ thành hành vi tích cực trong thực tiễn thi hành công vụ là việc làm hết sức cần thiết trong đời sống xã hội nói chung và đối với đội ngũ cán bộ, công chức nói riêng. Bài viết nêu lên sự cần thiết phải xây dựng và thực thi các tiêu chuẩn đạo đức công vụ; đưa ra những giải pháp góp phần nâng cao đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay.

1. Bản chất và nội hàm của đạo đức công vụ

1.1. Sự cần thiết xây dựng và thực thi các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thời kỳ mới

Đạo đức học là một phạm trù triết học nhân sinh đã được Aristotle (384 - 322 trước Công nguyên) đề cập từ rất sớm. Những nhà triết học lớn trong lịch sử như Socrat, Platon, Aristotle, E.Kant, G.Heghen, L.A.Feuerbach, Khổng Tử... đã có những đóng góp to lớn trong sự phát triển tư tưởng đạo đức học. Tuy nhiên, do hạn chế của lịch sử và điều kiện cụ thể của thời đại, các nhà tư tưởng nói trên đều có những hạn chế nhất định khi bàn về đạo đức học. Chỉ đến khi C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đi sâu vào nguồn gốc và bản chất của đạo đức thì mới khắc phục được những hạn chế và bổ sung những hiểu biết mới quan trọng vào tư tưởng đạo đức học trước đây. C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đã đưa ra nhận thức mới dựa trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để nhận thức các hiện tượng đạo đức phù hợp với lịch sử của thời đại.

Theo đó, đạo đức được nhìn nhận là một hiện tượng xã hội, một phương diện của đời sống xã hội, hiện diện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội với tư cách là hình thái ý thức xã hội, biểu hiện dưới dạng các nguyên tắc, quy tắc, các chuẩn mực, các giá trị điều chỉnh hành vi của con người và hoạt động xã hội trong sản xuất ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần.

Các công trình nghiên cứu trong nhiều thế hệ đã xác lập mối tương quan giữa đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác, tập trung vào 3 mối quan hệ cơ bản: 1) Đạo đức và chính trị; 2) Đạo đức và pháp luật - công cụ ghi nhận các chuẩn mực, các thói quen, các giá trị được xã hội thừa nhận, tuân theo; 3) Đạo đức và tôn giáo - trong đời sống, tôn giáo có vai trò hướng dẫn và đóng vai trò của đạo đức, hình thành các giá trị và ý nghĩa của cuộc sống, có giá trị thiêng liêng, góp phần điều chỉnh hành vi của con người.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức “cần, kiệm, liêm, chính” - giá trị nền tảng của đạo đức công chức, đạo đức công vụ trong xã hội Việt Nam hiện nay

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, là người đã phát triển sáng tạo tư tưởng của Mác - Lênin để hình thành đạo đức cách mạng. Chính đạo đức cách mạng của những người cách mạng, của các thế hệ người Việt Nam thể hiện đỉnh cao trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ở sự xả thân, dám hy sinh tất cả vì lý tưởng “Không

có gì quý hơn độc lập, tự do” tạo nên sức mạnh dân tộc, giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, làm nên giá trị Việt Nam, đạo đức Việt Nam.

Trong xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, đạo đức nghề nghiệp được đặt ra và thể hiện ở hai phẩm chất đức - tài của người lãnh đạo, quản lý, của người cán bộ, công chức nói chung. Khi công chức thực thi công vụ được xác định là một nghề đặc biệt, lại càng cần một phẩm chất đặc biệt của người “công bộc” của dân. Từ thách thức chuyển vai trò người quản lý, từ cơ chế “xin - cho” sang người phục vụ nhân dân, người phục vụ phát triển là việc hình thành giá trị mới của người cán bộ, công chức - vấn đề có ý nghĩa cách mạng.

Sắc lệnh số 76/SL về Quy chế công chức của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành năm 1950 đã khẳng định: “Công chức là đầy tớ, công bộc của dân”, bốn phẩm chất “cần - kiệm - liêm - chính” là những giá trị đạo đức cần được hình thành trong đội ngũ cán bộ, công chức mới của Việt Nam.

1.3. Về đạo đức nghề nghiệp

Xã hội có bao nhiêu nghề thì tất yếu có bấy nhiêu đạo đức nghề nghiệp, đây là đạo đức xã hội đặc thù thể hiện trong các hoạt động nghề nghiệp. Với tính cách là hình thái đạo đức xã hội có quan hệ chặt chẽ với đạo đức cá nhân và được cá nhân thể hiện, đạo đức nghề nghiệp có liên quan trực tiếp tới hoạt động nghề nghiệp - được hình thành trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Một đặc trưng quan trọng của đạo đức nghề nghiệp được các công trình nghiên cứu về vấn đề đạo đức tập trung làm rõ là yếu tố “lương tâm nghề nghiệp” - không chỉ chứa đựng trạng thái tình cảm, tâm lý mà là một động lực bên trong tạo ra thái độ ứng xử, thái độ trách nhiệm với nghề, với sản phẩm mình làm ra, nhiệm vụ mình thực hiện. Đây là mối quan hệ tương tác quan trọng hình thành nhân cách, đạo đức, giá trị của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, cùng với nó hình thành nghĩa vụ với nghề nghiệp, thành “nghề” của mình.

2. Về công vụ và thực thi công vụ

2.1. Bản chất công vụ

Trong các văn bản quy phạm pháp luật, công vụ được hiểu theo nghĩa rộng là công việc của Nhà nước; còn theo nghĩa hẹp, công vụ là việc nhà nước do công chức đảm nhiệm, thực hiện. Do vậy, công vụ là một hoạt động mang tính quyền lực nhà nước - quyền lực công. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đề cao tính tối thượng của pháp luật, theo nguyên tắc “công chức chỉ được phép làm những việc do pháp luật quy định”, đây là yêu cầu đối với người công chức trong thực thi công vụ. Do vậy, khi xác định công chức là một nghề đặc biệt thì cũng là ở đòi hỏi người công chức phải có một phẩm chất đặc biệt, đó là đạo đức công vụ.

2.2. Những giá trị cơ bản của hoạt động thực thi công vụ

Công việc nhà nước do công chức đảm nhiệm hướng tới 2 giá trị: thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước có hiệu lực, hiệu quả - quản trị tốt; cung cấp dịch vụ công tốt nhất cho xã hội, cho Nhân dân.

Về thực chất, quyền lực nhà nước thể hiện ý chí của Nhân dân, do Nhân dân ủy quyền cho bộ máy nhà nước, mà đội ngũ cán bộ, công chức có trách nhiệm thực thi, do đó cần có những quy định rõ ràng về thẩm quyền, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Đây là sự ủy quyền gián tiếp, đòi hỏi cán bộ, công chức phải ý thức được rõ ràng trách nhiệm của mình, cần có những chuẩn mực giá trị đạo đức, hành vi ứng xử phù hợp, phải thực sự gần dân, nghe dân, hiểu dân và làm cho dân hài lòng - thực sự phục vụ Nhân dân, là đây đó của nhân dân. Những đòi hỏi trên đây tạo ra mối quan hệ tốt đẹp giữa Nhà nước với Nhân dân, hình thành những giá trị đạo đức mới cho đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ.

3. Một số giải pháp nâng cao đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay

Trong giai đoạn hiện nay, khi Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với thế giới, đang hoàn thiện và vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì quản trị nhà nước phát triển hiệu quả đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức đan xen, trước hết là đối với đội ngũ cán bộ, công chức. Thực tiễn đang đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải có trình độ quản trị mới tương ứng với các chuẩn mực đạo đức mới hình thành phù hợp với quá trình hiện đại hoá, chuyên nghiệp hoá theo mục tiêu cải cách hành chính nhà nước và đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta. Sau 35 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, mặc dù đất nước đã đạt được nhiều thành tựu phát triển có ý nghĩa to lớn, song chúng ta vẫn còn nhiều khuyết điểm, yếu kém trong cải cách thể chế, trong hình thành cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật tương ứng, trong xây dựng đội ngũ nhân lực công có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức có đủ đức - tài đáp ứng thời kỳ phát triển mới. Tính chuyên nghiệp, kỹ năng, sự thành thạo của đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra là thách thức lớn trong quá trình phát triển của đất nước.

Thực tiễn cuộc sống cũng như nhiệm vụ quản lý nhà nước đang đặt ra yêu cầu có những giải pháp tổng thể cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức mới đủ phẩm chất, năng lực, trình độ, “tài - đức” cho quản trị đất nước trong thời kỳ mới, cụ thể là:

Một là, cần phải nghiên cứu nền tảng lý luận, cơ sở triết học về các giá trị đạo đức, đạo đức xã hội làm cơ sở cho việc nghiên cứu xây dựng khung lý thuyết về đạo đức xã hội mới, về đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Hai là, nghiên cứu hình thành mô hình tổ chức bộ máy hành chính nhà nước chuyên nghiệp, hiện đại, trên cơ sở đó hình thành các tiêu chí của bộ máy hành chính mới, tiêu chí năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức mới của đội ngũ cán bộ, công chức.

Ba là, hoàn thiện pháp luật về đạo đức của công chức trong thực thi công vụ, đặc biệt cần phải có một đạo luật riêng về đạo đức công vụ. Cụ thể, công chức khi thực thi công vụ phải tuân thủ các chuẩn mực vừa mang tính đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp; vừa phải tuân thủ những chuẩn mực pháp luật của nhà nước trong mối quan hệ tổng hòa giữa con người với con người, con người với xã hội, con người với nhà nước trên cơ sở hài hòa giữa quyền và lợi ích của nhà nước và công dân. Do đó, nguyên tắc pháp luật về đạo đức công vụ phải được xây dựng trên nguyên lý: pháp luật bắt buộc - nguyên tắc nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp - nguyên tắc đạo đức xã hội (các quy tắc ứng xử của công chức trong thực thi công vụ, thể hiện

văn hóa công sở, văn hóa nơi công cộng, nêu gương trong ứng xử xã hội). Đồng thời, với việc rà soát, bổ sung các quy định trong Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, cần sớm nghiên cứu xây dựng Luật công chức - công vụ.

Bốn là, cần đề cao vai trò của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức về đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ. Kinh nghiệm các nền công vụ tiên tiến trên thế giới cho thấy, trong các trường đào tạo, bồi dưỡng công chức đều có chương trình huấn luyện công chức, từ việc ứng xử trong quan hệ công chức với nhân dân tới thái độ trách nhiệm trong thực thi công vụ.

Năm là, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công cuộc cải cách hành chính nhà nước, từng bước theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, xây dựng nền công vụ phục vụ, lấy thước đo hiệu quả bằng sự hài lòng của người dân trở thành công cụ, tiêu chí đánh giá chất lượng thực thi công vụ.

Sáu là, xây dựng các thể chế tổ chức và hoạt động công vụ theo mục tiêu tăng cường tính công khai, minh bạch, quản lý nhà nước bằng pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Đây là cơ sở để đẩy lùi bệnh vô cảm, vô trách nhiệm, tham nhũng, lãng phí của một bộ phận cán bộ, công chức một cách chủ động, tích cực, hiệu quả. Huy động sự tham gia của người dân, của các tổ chức xã hội vào công việc của nhà nước, giám sát và phản biện xã hội một cách thiết thực đối với tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và đối với cán bộ, công chức trong thực thi công vụ.

Bảy là, đề cao vai trò nêu gương của người lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức. Giáo dục công chức bằng hình thức nêu gương, tôn vinh những giá trị tốt đẹp, công chức có trách nhiệm, tận tâm, nhanh chóng, hiệu quả, nhất là những tấm gương “cần - kiệm - liêm - chính; chí công vô tư” trong thực thi công vụ.

Tám là, chú trọng, khuyến khích việc tự đào tạo, tự tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức trong một xã hội học tập và nền kinh tế tri thức.

TS. Thang Văn Phúc, Nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ

Nguồn: tcnn.vn

CẦN NUÔI DƯỠNG TINH THẦN ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRỞ THÀNH VĂN HÓA

“Đổi mới sáng tạo” sẽ là một trong những cụm từ khóa nổi bật trong nhiều năm tới. Chúng ta cần kiên trì xây dựng, nuôi dưỡng để đổi mới sáng tạo trở thành một nét văn hóa của con người Việt Nam, song song tồn tại cùng với giá trị truyền thống của dân tộc ta.

TSKH. Nghiêm Vũ Khải, đại biểu Quốc hội (TP. Hải Phòng), nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, nguyên Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chia sẻ với phóng viên Báo điện tử Chính phủ.

Tại lễ khởi công xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia tại Khu Công nghệ cao Hoà Lạc vào ngày 10/01 vừa qua, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã nhấn mạnh: “Để thực hiện mục tiêu, khát vọng bứt phá tăng trưởng của đất nước để trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao đến năm 2045, vào đúng thời điểm kỷ niệm 100 năm thành lập nước đã được đề cập tại dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, cần dựa vào tri thức, khoa học công nghệ, và đặc biệt là đổi mới sáng tạo, coi đây là yếu tố nội sinh quan trọng của tăng trưởng”.

Theo Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, chính công nghệ mới, cùng với nguồn nhân lực phù hợp mới là yếu tố quyết định cho tăng trưởng trong dài hạn, là chìa khóa để chúng ta đột phá trong phát triển, thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình.

Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong những nội dung được nhấn mạnh trong các đột phá chiến lược thời gian tới, được xác định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030. Đây cũng là một trong những điểm mới trong dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Việt Nam có thể trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo hàng đầu châu Á

Phóng viên: Xin ông đánh giá về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo nước nhà trong những năm qua?

Ông Nghiêm Vũ Khải: Những năm gần đây, nền kinh tế nước ta phát triển ngoạn mục với mức tăng trưởng 6 - 7%, đặc biệt năm 2020 với nhiều khó khăn, thách thức, thiên tai, dịch bệnh... song chúng ta vẫn đạt GDP tăng trưởng dương (2,91%).

Như đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch Nước Nguyễn Phú Trọng đã đánh giá: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ to lớn, vai trò và vị thế cao như ngày nay”. Theo tôi, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị, ngoại giao, an ninh, quốc phòng, trong đó có sự đóng góp tích cực của khoa học - công nghệ (không phải chỉ có hoạt động các nhà khoa học trên các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học - công nghệ mà còn cả khoa học xã hội, quản lý, khoa học chính trị...).

Sau 5 năm, Việt Nam từ vị trí 59 (năm 2016) trong bảng xếp hạng về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu, đã tăng 17 bậc, xếp vị trí 42 (năm 2020) trên tổng số 131 quốc gia về nền kinh tế (năm

2019 là 42/129). Với kết quả này, Việt Nam giữ vị trí số 1 trong nhóm 29 quốc gia có cùng mức thu nhập và đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á. Công bố quốc tế tăng 5 lần sau 10 năm. Một số lĩnh vực khoa học - công nghệ có bước tiến dài như y dược, công nghệ thông tin, sinh học...

Tuy nhiên, cũng phải nhìn nhận lại, đúng như dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đánh giá, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự tạo động lực then chốt cho phát triển kinh tế - xã hội. Chúng ta chưa tận dụng hết được những cơ hội, thời cơ, năng lực còn hạn chế. Do đó, đòi hỏi việc quản lý hoạt động khoa học - công nghệ, đầu tư cho khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế khoa học - công nghệ phải có những bước đi mang tính đột phá mới phù hợp với thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và chuyển đổi số.

Phóng viên: Ông đánh giá như nào về việc vừa qua, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã phát lệnh khởi công xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia tại Khu Công nghệ cao Hoà Lạc? Liệu đến năm 2045, Việt Nam có trở thành trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thuộc nhóm dẫn đầu khu vực châu Á như Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra?

Ông Nghiêm Vũ Khải: Tôi còn nhớ, trong bài phát biểu nhậm chức trước Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc có nói: “Đur địa chính sách và nguồn lực cho phát triển giai đoạn tới rất hạn hẹp. Để phát triển nhanh và bền vững, phải tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả đầu tư. Muốn vậy, phải đẩy mạnh cải cách thể chế, chấn hưng giáo dục và khoa học - công nghệ”.

Năm 2016 được Thủ tướng Chính phủ quyết định chọn là “Năm quốc gia khởi nghiệp”, đồng thời phê duyệt Quyết định số 844/QĐ-TTg hỗ trợ xây dựng Hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia đến năm 2025.

Ngày nay, mô hình tăng trưởng kiểu cũ dựa vào tài nguyên, vốn, lao động giá rẻ... không còn dư địa để tồn tại và phát triển nữa. Tôi cho rằng, xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia là một bước đi, quyết định rất quan trọng, thể hiện quyết tâm mạnh mẽ, mở đường cho việc phát triển mang tính chất đột phá của khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm tiếp theo.

Trung tâm này sẽ được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi cao nhất và các thủ tục hành chính thuận lợi nhất theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện hỗ trợ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng phát triển khoa học - công nghệ.

Tôi đã có dịp đi nghiên cứu kinh nghiệm tại Mỹ, cường quốc này coi khoa học - công nghệ và đổi mới là nền tảng của nền kinh tế và là công cụ vô giá để hợp tác với đối tác nước ngoài. Khoa học, kỹ thuật, công nghệ và đổi mới là động cơ của xã hội hiện đại và một lực lượng thống trị trong quá trình toàn cầu hóa và phát triển kinh tế quốc tế. Những nền kinh tế lớn trên thế giới rất coi trọng phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, thì không có lý do gì chúng ta lại không.

Để Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo hàng đầu châu Á, từ nay đến năm 2045 là quãng thời gian 25 năm có thể giúp Việt Nam thực hiện được mục tiêu đó, tuy nhiên đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc về thể chế, chính sách, đầu tư, đào tạo và trọng dụng nhân tài...

Đặc biệt, cùng với việc xây dựng đội ngũ các nhà khoa học, kỹ sư, các nhà quản trị đổi mới sáng tạo chuyên nghiệp thì chúng ta cần đẩy mạnh phong trào đổi mới sáng tạo trong cộng đồng. Chúng ta cần kiên trì xây dựng, nuôi dưỡng để đổi mới sáng tạo trở thành một nét văn hóa của con người Việt Nam, song song tồn tại cùng với giá trị truyền thống của dân tộc ta như chủ nghĩa yêu nước, đức hy sinh, lòng nhân ái... Làm được như vậy mới có thể tạo được nền tảng vững chắc để khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là quốc sách hàng đầu.

Phóng viên: Ông có kỳ vọng gì về những chủ trương, quyết sách phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng?

Ông Nghiêm Vũ Khải: Khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt được nhấn mạnh tại Dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Chỉ riêng Dự thảo Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, cụm từ “đổi mới sáng tạo” đã xuất hiện 45 lần.

Nhớ lại, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (năm 1960), đứng trước hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, trong vô vàn khó khăn, thách thức, Đảng ta đã đề ra chủ trương tiến hành 3 cuộc cách mạng ở miền Bắc: Cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng văn hóa - tư tưởng và cách mạng khoa học kỹ thuật, trong đó lấy cách mạng khoa học kỹ thuật làm then chốt.

Nhờ những chính sách đó mà cho dù chiến tranh rất ác liệt, nhưng Đảng, Nhà nước vẫn dành sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư đặc biệt để triển khai một số biện pháp phát triển khoa học kỹ thuật và giáo dục một cách nhất quán, mạnh mẽ, thể hiện rất rõ tinh thần “giáo dục, đào tạo và khoa học kỹ thuật là quốc sách hàng đầu”.

Khi đó, hàng nghìn học sinh ưu tú đã được gửi sang học và nghiên cứu tại các nước xã hội chủ nghĩa; một số trường đại học, viện nghiên cứu, ngành học then chốt đã được thành lập và hoạt động. Nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật được đào tạo thế hệ đó đã đóng vai trò rất quan trọng trong xây dựng sức mạnh quân đội nhân dân cũng như xây dựng thể và lực của cách mạng, góp phần đưa công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước đến thắng lợi hoàn toàn. Hơn thế nữa, nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật cũng có nhiều công hiến to lớn cho phát triển kinh tế-xã hội từ sau khi đất nước thống nhất cho đến ngày nay.

Thời kỳ đổi mới, từ Cương lĩnh của Đảng, nghị quyết các đại hội Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị... đến Hiến pháp và các đạo luật do Quốc hội ban hành đều đặt khoa học - công nghệ vào vị trí quốc sách hàng đầu. Rất nhiều chính sách, biện pháp có tính đột phá đã được đề ra nhằm mục tiêu đưa khoa học - công nghệ thực sự trở thành “một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”, “một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước”.

Có thể nói, các dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề cập đến vai trò, vị trí và các nhận định, chủ trương phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo sâu sắc và đậm nét nhất so với nhiều văn kiện của các kỳ Đại hội trước. Trong đó, đề ra những định hướng cốt lõi là phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, hạ tầng nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới cơ chế, chính sách phát triển kinh tế nói chung, đầu tư cho khoa học - công nghệ nói riêng. Điều này củng cố thêm niềm tin của chúng ta vào những bước đột phá của nền khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo nước nhà.

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào khoa học - công nghệ

Phóng viên: Theo ông, để khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là quốc sách hàng đầu, động lực then chốt phát triển kinh tế - xã hội, cần đặc biệt chú trọng đến vấn đề nào?

Ông Nghiêm Vũ Khải: Có thể nói, mặc dù đạt được một số kết quả tích cực, nhưng khâu thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng vẫn còn bất cập, hoạt động khoa học - công nghệ nặng về hình thức, còn kế hoạch hóa kiểu cũ, đầu tư xây dựng hạ tầng, phương tiện nghiên cứu, thiết bị cho nhà khoa học hạn chế, chưa có nhiều phòng thí nghiệm trình độ quốc tế phục vụ nghiên cứu cơ bản, những ngành mũi nhọn, công nghệ cao...

Đầu tư cho khoa học - công nghệ còn thấp, mà lại chủ yếu dựa vào đầu tư từ ngân sách Nhà nước, cho đến nay chưa đến 1% GDP. Trong khi đó, các nước G7, G20 là 3 - 4%, đồng thời, ngân sách Nhà nước đầu tư 1 phần thì doanh nghiệp và xã hội đầu tư tới 3 - 4 lần ngân sách Nhà nước. Do nguồn đầu tư quá hạn hẹp cho nên chúng ta thiếu các chương trình lớn, không có thành tựu lớn và ít có các nhà khoa học lớn.

Để nền khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo được phát triển nhanh và bền vững, thứ nhất, chúng ta phải hoàn thiện chính sách, pháp luật; có chính sách, biện pháp thiết thực để tập hợp, quy tụ được các nhà khoa học trong và ngoài nước. Tôi cho rằng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4 thì nhà khoa học không nhất thiết phải về nước mới có thể cống hiến cho đất nước.

Tôi cũng đã nghiên cứu một số chính sách thu hút và sử dụng trí thức, nhất là trí thức xuất sắc của một số quốc gia. Người ta đưa ra 3 nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách thu hút trí thức khoa học - công nghệ, đó là được đãi ngộ, được tôn vinh và được thực hiện hoài bão sáng tạo. Các nghiên cứu cho thấy, đối với nhà khoa học chân chính, việc được hoạt động sáng tạo là khát vọng mạnh mẽ nhất. Thứ đến là được xã hội ghi nhận, tôn vinh thành tựu của nhà khoa học đó. Cuối cùng mới là sự đãi ngộ vật chất để sống và lao động sáng tạo.

Thứ hai, khuyến khích các doanh nghiệp trực tiếp đầu tư nghiên cứu khoa học - công nghệ, lấy tinh thần đổi mới sáng tạo, dựa vào khoa học - công nghệ để nâng cao tính cạnh tranh.

Vừa qua một số tập đoàn kinh tế như Vingroup, Viettel... đã hình thành một số tổ chức khoa học - công nghệ tập hợp nhân lực khoa học - công nghệ ưu tú, trẻ tuổi được đào tạo tại Việt Nam và các quốc gia tiên tiến. Các tập đoàn kinh tế đã đầu tư mạnh, triển khai chế độ đãi ngộ và tạo môi trường nghiên cứu hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế. Một số nghiên cứu đã và đang đi vào ứng dụng. Đây là điều đáng mừng và cần được đẩy mạnh trong thời gian tới.

Thứ ba, cần có sự phân vai và liên kết trong hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Kinh nghiệm quốc tế chỉ ra rằng, Nhà nước tạo cơ chế, môi trường thuận lợi, thực thi chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Còn doanh nghiệp phải trực tiếp đầu tư phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, từ đó có thể nhanh chóng thương mại hóa các nghiên cứu khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh. Không chỉ các doanh nghiệp lớn mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng cần được tạo điều kiện ứng dụng công nghệ mới, tham gia cung ứng các linh kiện, phụ tùng, hàng hóa có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, và tạo nhiều việc làm cho xã hội.

Phóng viên: Trân trọng cảm ơn ông!

Nguồn: chinhphu.vn

ĐỘT PHÁ THỂ CHẾ “NÂNG CẤP” DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Cộng đồng doanh nghiệp kỳ vọng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng sẽ có những quyết sách nhằm duy trì và thúc đẩy cơ chế thuận lợi, cởi mở, cũng như tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh hiệu quả, để doanh nghiệp có thể phát triển và góp sức vào công cuộc xây dựng đất nước.

Đột phá thể chế, nâng cấp doanh nghiệp Việt hướng tới chuẩn mực toàn cầu

Đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cho biết, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có vị trí vô cùng quan trọng. Đại hội có nhiệm vụ xác định tầm nhìn đến năm 2045, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đến năm 2030 và kế hoạch phát triển giai đoạn 2021 - 2025, với khát vọng Việt Nam sẽ hoàn thành công nghiệp hoá, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030 và trở thành một quốc gia phát triển vào năm 2045.

“Chúng tôi tin tưởng các Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng sẽ tiếp tục thúc đẩy hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập, theo những chuẩn mực hàng đầu trên thế giới, và hướng tới mục tiêu môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Việt Nam phải lọt vào nhóm dẫn đầu trong ASEAN, vươn tới các chuẩn mực tiên tiến trên thế giới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng sẽ tiếp tục khởi động một giai đoạn đột phá thể chế để nâng cấp các doanh nghiệp Việt Nam hướng tới các chuẩn mực toàn cầu. Đó chính là nền tảng để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế”, ông Vũ Tiến Lộc cho biết.

Ông Nguyễn Văn Đước, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn thuế Trọng Tín cho biết: Doanh nghiệp rất kỳ vọng vào Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng với những chủ trương về phát triển kinh tế, xã hội, chính trị... Trong đó đặc biệt, ông quan tâm đến mục tiêu phát triển khu vực kinh tế tư nhân với mục tiêu xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, có khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế.

“Chúng tôi kỳ vọng rằng những chính sách về phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong dự thảo Văn kiện của Đảng nêu trên sẽ được Đại hội nghiên cứu và xem xét thông qua, là cơ sở vững chắc để ban hành những chính sách cụ thể cho sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân”, ông Nguyễn Văn Địch cho hay.

Ông Địch kiến nghị: Đảng, Nhà nước trong thời gian tới cần có sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế để tạo sự công bằng, bình đẳng trước pháp luật, từ đó thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở tương hỗ cùng phát triển giữa các thành phần kinh tế.

Cùng với đó, cần có các quyết sách hỗ trợ tối đa cả về thể chế, chính sách, pháp luật và có chính sách bảo vệ và bảo hộ doanh nghiệp Việt trên cơ sở luật pháp trong nước, phù hợp với thông lệ quốc tế, nhằm giúp doanh nghiệp tự tin hội nhập quốc tế sâu và rộng.

“Việc cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh một cách thực chất và hiệu quả cùng với chú trọng phát triển doanh nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu, lấy chất lượng của doanh nghiệp làm trọng tâm là một trong những nội dung quan trọng để từng bước đạt được mục tiêu phát triển 2 triệu doanh nghiệp vào năm 2030 như dự thảo Văn kiện Đại hội đề ra”, ông Nguyễn Văn Địch chia sẻ.

“Cởi trói” cho doanh nghiệp

Ông Cao Hữu Hiếu, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex) cho biết, doanh nghiệp mong muốn Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng sẽ thành công tốt đẹp theo đúng kế hoạch và các nội dung đã được chuẩn bị. Đại hội sẽ sáng suốt bầu ra Ban chấp hành mới với những đồng chí hội tụ đủ đức, đủ tài, đủ bản lĩnh để lãnh đạo đất nước vượt qua khó khăn, thách thức, vững bước trên con đường hội nhập, phát triển.

“Doanh nghiệp rất đồng tình với những nội dung được nêu ra trong dự thảo Nghị quyết của Đại hội và mong muốn đại hội sẽ biểu quyết, thông qua các nội dung văn kiện, đây là tiền đề quan trọng để hiện thực hóa các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển toàn diện đất nước trong giai đoạn 2020 - 2025 và các giai đoạn tiếp theo. Doanh nghiệp mong muốn sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng này, những cơ chế chính sách đang là cản trở cho doanh nghiệp giai đoạn vừa qua sẽ được “cởi trói” và sẽ có những đột phá để doanh nghiệp phát triển và tăng tốc trong giai đoạn mới. Rất nhiều cơ chế, chính sách cho doanh nghiệp cần được định nghĩa rõ hơn để doanh nghiệp áp dụng và triển khai trong quá trình thực hiện. Hiện nay, Đảng đã xác định phát triển doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp tư nhân là khâu đột phá, trọng tâm thì ở nhiệm kỳ tới chúng ta cần có nhiều cơ chế chính sách, Nghị quyết của Đảng cho mảng kinh tế này được phát triển và cất cánh trong giai đoạn tới”, ông Cao Hữu Hiếu kỳ vọng.

Nguồn: baotintuc.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN “THỂ CHẾ HÓA ĐẦY ĐỦ QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN”

Ngày 25/01/2021, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc ký Quyết định số 120/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Thể chế hóa đầy đủ quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013, bảo đảm quyền tài sản được giao dịch thông suốt, hiệu lực thực thi và bảo vệ có hiệu quả”.

Mục tiêu của Đề án nhằm xác định giải pháp đối với việc hoàn thiện pháp luật cũng như tổ chức thi hành pháp luật về quyền sở hữu tài sản thông qua việc rà soát, đánh giá mức độ thể chế hóa Hiến pháp năm 2013 về quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân trong hệ thống pháp luật; vai trò của pháp luật cũng như thực tiễn thi hành về quyền đối với tài sản trong việc thúc đẩy phát triển giao dịch trong đời sống xã hội.

Thông qua việc rà soát pháp luật liên quan đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân cũng như thực trạng thực thi pháp luật để phát hiện những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, khoảng trống.

Đồng thời, xác định các nhiệm vụ trọng tâm của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức liên quan trong việc triển khai các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật; giải pháp thực thi pháp luật hiệu quả để đảm bảo quyền sở hữu tài sản được thực thi một cách hữu hiệu, an toàn và minh bạch.

6 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Theo Đề án, một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để thể chế hóa quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân gồm: 1. Nghiên cứu, khảo sát kinh nghiệm quốc tế liên quan đến pháp luật về quyền sở hữu tài sản và thực tiễn thi hành, tập trung vào các loại tài sản phi truyền thống, dữ liệu số, tài nguyên số của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. 2. Xác định các vướng mắc, bất cập; đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân trong một số lĩnh vực trọng tâm. 3. Xây dựng báo cáo tổng thể về rà soát pháp luật, xác định các vấn đề vướng mắc, bất cập và đề xuất giải pháp tổng thể hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm thể chế hóa đầy đủ quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân. 4. Nâng cao năng lực cho các tổ chức, cá nhân, đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi pháp luật và giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu tài sản. 5. Tổ chức các diễn đàn đối thoại để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp trong thực thi pháp luật về quyền sở hữu tài sản. 6. Tăng cường công tác hỗ trợ pháp lý, tư vấn pháp luật cho người dân, doanh nghiệp đối với các vấn đề liên quan quyền sở hữu tài sản.

Nguồn: baochinhphu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030

Ngày 25/01/2021, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam ký Quyết định số 118/QĐ-TTg Ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030.

Theo đó, Chương trình nhằm tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, có giá trị gia tăng cao; thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp ở vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ.

Mục tiêu cụ thể đến 2025 số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 15%/năm; 100% các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm trực tiếp tham gia Chương trình hình thành các tổ chức nghiên cứu và phát triển; có từ 3 - 5 ngành sản xuất sản phẩm chủ lực sản phẩm trọng điểm làm chủ hoặc tạo ra được công nghệ tiên tiến trong chuỗi giá trị để sản xuất ra các sản phẩm, có giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao trên thị trường.

Thúc đẩy tăng năng suất lao động trên cơ sở đổi mới công nghệ, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn, sử dụng công nghệ cao; các doanh nghiệp trực tiếp tham gia Chương trình có năng suất lao động cao hơn ít nhất 1,5 lần năng suất lao động khi chưa đổi mới công nghệ.

Hình thành tại mỗi vùng kinh tế ít nhất một mô hình nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ điển hình phù hợp với điều kiện đặc thù của địa bàn để triển khai nhân rộng.

Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình là hoàn thiện thể chế pháp lý, thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ; xây dựng, triển khai lộ trình nâng cao năng lực công nghệ quốc gia; nghiên cứu, ứng dụng làm chủ công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường; hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ; đẩy mạnh hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; tăng cường nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình; đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: KÉO DÀI THỜI GIAN XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 về việc kéo dài thời gian thực hiện Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” theo quy định tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 và Quyết định số 874/QĐ-TTg ngày 25/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Cụ thể, tiếp tục triển khai thực hiện Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” theo quy định tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 và Quyết định số 874/QĐ-TTg ngày 25/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ đến hết ngày 31/12/2023.

Trong đó, nhiệm vụ của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải hoàn thành chậm nhất đến hết ngày 31/12/2021; nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan Trung ương phải hoàn thành chậm nhất đến hết ngày 31/12/2023.

Kinh phí bảo đảm thực hiện nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan Trung ương do ngân sách trung ương bảo đảm; kinh phí bảo đảm thực hiện nhiệm vụ của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do ngân sách địa phương bảo đảm. Ngân sách trung ương hỗ trợ các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách một phần kinh phí thực hiện nhiệm vụ mới phát sinh theo khả năng cân đối ngân sách.

Theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012, mục tiêu của Dự án là xác định rõ phạm vi quản lý theo địa bàn lãnh thổ giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; giữa các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và giữa các xã, phường, thị trấn trên đất liền và trên biển. Đảm bảo khép kín đường địa giới hành chính các cấp và thống nhất với đường biên giới quốc gia.

Bên cạnh đó, xây dựng Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính các cấp đảm bảo tính khoa học, đầy đủ, chính xác, pháp lý và thống nhất làm cơ sở pháp lý trong công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong cả nước, vùng lãnh thổ, từng địa phương.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Đến năm 2030, Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển các giải pháp và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong khu vực ASEAN và trên thế giới.

Ngày 26/01/2021, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 127/QĐ-TTg ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

Chiến lược đặt mục tiêu đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo, đưa Trí tuệ nhân tạo trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của Việt Nam trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đến năm 2030, Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển các giải pháp và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong khu vực ASEAN và trên thế giới.

Mục tiêu đến năm 2030 đưa Trí tuệ nhân tạo trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của Việt Nam; phấn đấu Việt Nam nằm trong nhóm 4 nước dẫn đầu trong khu vực ASEAN và nhóm 50 nước dẫn đầu trên thế giới về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo; xây dựng được 10 thương hiệu Trí tuệ nhân tạo có uy tín trong khu vực; phát triển được 03 trung tâm quốc gia về lưu trữ dữ liệu lớn và tính toán hiệu năng cao; kết nối được các hệ thống trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao trong nước tạo thành mạng lưới chia sẻ năng lực dữ liệu lớn và tính toán phục vụ Trí tuệ nhân tạo.

Hình thành được 50 bộ dữ liệu mở, liên thông và kết nối trong các ngành kinh tế, lĩnh vực kinh tế - xã hội phục vụ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo.

Đến năm 2030, Việt Nam hình thành được 3 trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia về Trí tuệ nhân tạo; có ít nhất 01 đại diện nằm trong bảng xếp hạng nhóm 20 cơ sở nghiên cứu và đào tạo về Trí tuệ nhân tạo dẫn đầu trong khu vực ASEAN...

Để đạt được những mục tiêu trên, Chiến lược đưa ra các định hướng: Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hành lang pháp lý liên quan đến Trí tuệ nhân tạo; phát triển hệ sinh thái Trí tuệ nhân tạo; thúc đẩy ứng dụng Trí tuệ nhân tạo; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Thay đổi Ủy viên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử và lãnh đạo Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử. Cụ thể:

Ông Huỳnh Thành Đạt, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Ủy viên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử thay ông Chu Ngọc Anh, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, nguyên Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, chuyển công tác khác.

Ông Nguyễn Huy Dũng, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông làm Ủy viên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử, Tổ phó Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử thay ông Nguyễn Thành Hưng, nguyên Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, đã nghỉ hưu theo chế độ.

Bổ nhiệm Đại tá Lê Tất Thắng, Phó Tham mưu trưởng Quân Khu 4 giữ chức vụ Phó Tư lệnh Quân Khu 4, Bộ Quốc phòng.

Bổ nhiệm Đại tá Đặng Văn Lâm, Phó Tham mưu trưởng Quân Khu 7 giữ chức vụ Phó Tư lệnh Quân Khu 7, Bộ Quốc phòng.

* Ban Tuyên giáo Trung ương quyết định:

Bổ nhiệm bà Lê Thị Ngân giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, kể từ ngày 25/01/2021.

Bổ nhiệm bà Đào Thanh Quyên giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin công tác tuyên giáo, kể từ ngày 25/01/2021.

Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Mỹ Linh giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Báo chí- Xuất bản, kể từ ngày 25/01/2021.

Bổ nhiệm bà Bùi Thị Thu Thanh giữ chức vụ Phó Tổng Biên tập Tạp chí Tuyên giáo, kể từ ngày 25/01/2021.

Bổ nhiệm ông Vũ Quý Cường, giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Báo chí - Xuất bản, kể từ ngày 25/01/2021.

* Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:

Ông Quách Thanh Giang, nguyên Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức.

Các ông/bà: Nguyễn Thị Thanh Mai, nguyên Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2; Phạm Thị Hương Giang, nguyên Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9; Nguyễn Tấn Hảo, nguyên Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2; Nguyễn Thị Ngọc Giàu, nguyên Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức; Nguyễn Đức Thọ, nguyên

Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức được điều động, bổ nhiệm chức vụ Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức.

Ông Phạm Đức Bảo, nguyên Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Phòng 2, Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Thanh Minh, nguyên Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9 được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Phòng Kiểm sát thi hành án dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Nguồn: baohinhphu.vn